

THÔNG BÁO SỐ 04

V/v triển khai Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXXII, năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 441-KH/TWĐTN-KHCN ngày 10/02/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc Tổ chức Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXXII, năm 2026; căn cứ tình hình thực tế triển khai đợt thi thứ hai Vòng loại Hội thi, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ (cơ quan thường trực Ban Tổ chức Hội thi) thông báo kết quả thi, cụ thể như sau:

1. Kết quả Vòng loại đợt thi thứ hai các bảng A, B, D1, M1, M2

Công nhận kết quả Vòng loại đợt thi thứ hai và lựa chọn thí sinh các bảng A, B, D1, M1, M2 tham gia Vòng Khu vực (có danh sách chi tiết kèm theo):

- Đối với các bảng A, B, M1, M2: Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi và thời gian làm bài), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Bảng A không xét chọn đối với các bài thi dưới 100 điểm; Bảng B không xét chọn đối với các bài thi dưới 60 điểm; Bảng M1, M2 không xét chọn đối với các bài thi dưới 20 điểm.

- Đối với bảng D1: Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi, thí sinh bằng điểm thi xếp cùng hạng), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Không xét chọn đối với các bài thi dưới 20 điểm.

2. Kết quả Vòng loại các bảng C1, C2, D2, D3

Công nhận kết quả Vòng loại và lựa chọn thí sinh các bảng C1, C2, D2, D3 tham gia Vòng Khu vực (có danh sách chi tiết kèm theo):

- Đối với các bảng C1, C2: Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi và thời gian làm bài), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Bảng C1 không xét chọn đối với các bài thi dưới 60 điểm; Bảng C2 không xét chọn đối với các bài thi dưới 80 điểm.

- Đối với bảng D2, D3: Lựa chọn các sản phẩm sáng tạo xếp loại Đạt, số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ.

3. Thông tin về hình thức chấm thi Vòng loại đợt thi thứ hai các bảng A, B, C1, C2

Nhằm đảm bảo thí sinh được đánh giá đúng thực lực và hạn chế các hình thức gian lận khi tham dự một kỳ thi trực tuyến, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Giám khảo, Ban Tổ chức đã sử dụng hình thức chấm pretest trong thời gian thi chính thức và chấm fulltest sau khi kỳ thi kết thúc. Toàn bộ nội dung về hình thức chấm thi đã được cán bộ coi thi thông báo nhắc lại nhiều lần trong phòng thi và Ban Tổ chức đăng công bố rộng rãi ngay sau khi kết thúc buổi thi.

Thông tin cần trao đổi vui lòng liên hệ đồng chí Đoàn Quang Trung, Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, email: tainangviet.twd@gmail.com, số điện thoại: 0344 268 982.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Minh Triết - Bí thư TT TWD (để báo cáo);
- Lưu VP, KHCN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Hương Thảo



KẾT QUẢ THI VÒNG LOẠI HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXXII, NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 86-TB/KHCN ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

	Bảng A		Bảng B		Bảng C1		Bảng C2		Bảng D1		Bảng M1		Bảng M2	
	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng
Miền Bắc	270	60	125	60	60	45	80	27	25	30	20	38	20	40
Miền Trung	270	60	150	60	60	34	80	26	28	30	21.25	60	20	41
Miền Nam	100	60	60	60	60	17	80	20	20	15	20	25	20	29

Thống kê mức điểm sàn và số lượng thí sinh các bảng A, B, C1, C2, D1, M1 và M2 được lựa chọn tham gia Vòng Khu vực (bảng A, B, D1, M1, M2 thông qua Vòng loại đợt thi thứ hai; bảng C1, C2 thông qua Vòng loại)

	Bảng D2	Bảng D3
Miền Bắc	29	16
Miền Trung	29	14
Miền Nam	30	05

Thống kê số lượng sản phẩm sáng tạo bảng D2, D3 xếp loại Đạt và được lựa chọn tham gia Vòng Khu vực thông qua Vòng loại năm 2026

I. BẢNG A: LẬP TRÌNH KHỎI TIỂU HỌC**I.1. KHU VỰC MIỀN BẮC**

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	1115A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Anh	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	1747A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thanh Bình	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	1504A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Đăng Khánh	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	1238A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Thanh	2016	490	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	1364A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Hoàng Lâm	2017	480	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	1527A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Gia Bảo	2015	470	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	1694A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Gia Huy	2015	445	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	1292A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Triều Phong	2015	445	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	1336A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Hữu Bảo	2016	440	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
10.	1509A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Vĩnh Châu	2015	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	1628A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn An Bình	2015	435	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	1235A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Tùng	2015	420	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	1260A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phạm Tuấn Minh	2015	420	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	1487A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Bảo San	2015	420	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	1741A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Anh Quân	2016	420	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	1179A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đình Quang Minh	2016	410	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	1372A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Lê Anh Khoa	2017	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	1603A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hữu Thành Đạt	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	1206A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nguyễn Minh Nhật	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0984A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Gia Hưng	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	1311A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khôi	2016	380	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	1404A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đình Duy Anh	2015	365	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	1576A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2015	355	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
24.	1283A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Gia Huy	2015	355 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	1172A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Nam Hùng	2015	355	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	1048A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Huy	2017	355	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	1638A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hồ Ngọc Hân	2015	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	1562A026	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Gia Khánh	2015	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	1442A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Gia Bảo	2016	340	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	0966A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đăng Lâm	2016	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	1265A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Minh Tuấn	2016	325	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	1315A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Dương Trường Xuân	2009	320	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	0938A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Tuấn Đạt	2015	315	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	1026A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Nguyễn Khôi Nguyên	2016	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	1412A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Gia Khánh	2016	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	1358A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Phát	2015	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	1301A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Đức	2015	305	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	1318A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lê Dương	2015	305	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	1363A026	Miền Bắc	Phú Thọ	Phan Minh Khôi	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	1561A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Thắng	2016	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	1679A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Gia Phúc	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	1539A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Vũ Trí	2016	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	1476A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tú	2016	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	1137A026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Minh Đức	2015	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	1686A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Minh Trí	2015	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	1040A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đình Quang Dũng	2015	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
47.	0993A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Bùi Minh Phúc	2016	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	1177A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đoàn Chí Lâm	2015	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
49.	1730A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Nguyễn Quốc An	2015	285	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	1599A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Nhật Minh Lâm	2015	285	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	1492A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phạm Minh Lâm	2017	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	1128A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hà Thảo Nhi	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	1006A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hưng	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	1133A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Như Linh	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	1377A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Khải	2017	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	0975A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Nguyên	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	1205A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Gia Khánh	2016	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	1705A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trần Minh Đức	2015	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
59.	0946A026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Anh Quân	2015	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	1461A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hưng Phát	2015	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61.	1575A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tân Dũng	2015	270 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	1581A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2017	265	
63.	1408A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Dương Gia Minh	2015	265	
64.	1035A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Cao Đức Anh Tú	2015	265	
65.	1300A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hiến Minh	2016	260	
66.	0982A026	Miền Bắc	Hà Nội	Kiều Đình Thái Bảo	2016	260 (Sau phúc khảo)	
67.	1521A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Đức Minh	2015	260	
68.	1567A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Kiên An	2016	260	
69.	1342A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê An Khánh	2017	260	
70.	1197A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trần Anh Quốc	2015	260	
71.	1598A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Chí Kiên	2016	255	
72.	1654A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thiên Quang	2016	250	
73.	1204A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	2015	250	
74.	1288A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức	2016	245	
75.	1334A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Đào Gia Khánh	2016	245	
76.	1191A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quý Bình	2015	245	
77.	1331A026	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Phúc Minh Khôi	2017	235	
78.	1319A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Việt Bảo	2016	225	
79.	1553A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Đăng Minh	2015	225	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
80.	1444A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hiền	2015	225	
81.	1086A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Nam	2016	220	
82.	1485A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phi Sơn	2015	220	
83.	1156A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hoàng Anh Khôi	2015	215	
84.	1186A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Vũ Châu	2015	215	
85.	1560A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Công Nhật Anh	2016	215	
86.	1307A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Anh	2015	210	
87.	1003A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Khánh Minh	2016	210	
88.	1106A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Việt Đại	2016	210	
89.	1379A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Thành Nam	2015	205	
90.	1117A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quyết Tiến	2015	205	
91.	1092A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nguyên Việt	2015	200	
92.	1138A026	Miền Bắc	Hà Nội	Khuê Hà Mạnh	2015	200	
93.	1715A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hà Ngọc Khánh	2015	200	
94.	1355A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Nguyễn Gia Thuận	2015	195	
95.	1228A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Đạo	2016	195	
96.	1703A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Quốc Bảo	2015	190	
97.	1270A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Vượng	2015	185	
98.	1078A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Vũ Minh	2017	185	
99.	1489A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Xuân Nam	2016	180	
100.	1317A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đoàn Thành Công	2015	180	
101.	1189A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Thái Anh	2015	180	
102.	1221A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hưng Phúc	2016	180	
103.	1208A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hùng Huy	2016	175	
104.	1112A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Ngô Tuấn Minh	2016	175	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
105.	1602A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2016	175	
106.	1423A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Hoàng Thành	2016	175	
107.	1601A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Nhật	2016	175	
108.	1375A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiên Minh	2016	170	
109.	1015A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Anh Khoa	2015	170	
110.	1338A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hoàng Phương An	2015	170	
111.	1299A026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Hải Nam	2015	170	
112.	1418A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Tùng	2015	165	
113.	1516A026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Huy Bách	2017	165	
114.	1314A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đắc Minh	2015	165	
115.	1237A026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Đoàn Chí Bảo	2016	165	
116.	1316A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Nhật	2017	160	
117.	1683A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Xuân Nam	2016	155	
118.	1234A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Gia Hân	2016	155	
119.	1341A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hoàng Minh	2016	155	
120.	1736A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Trí	2017	145	
121.	1750A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Mai Khuê	2017	140	
122.	1053A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đức Khang	2016	140	
123.	1083A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đình Tùng	2018	140	
124.	1422A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tùng Khoa	2015	135	
125.	1361A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Gia Huy	2015	130	
126.	1484A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tùng Lâm	2016	130	
127.	1748A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hiệu Phong	2015	125	
128.	1453A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Đào Hoàng Bách	2016	125	
129.	0608A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Duy Tùng	2015	120	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
130.	1707A026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Lâm	2017	115	
131.	1093A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Trí Đạt	2015	115	
132.	0974A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quân	2018	115	
133.	1651A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2016	115	
134.	1389A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Vũ Quang Huy	2015	110	
135.	1045A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Tân Gia Hưng	2016	110	
136.	1400A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Anh Khôi	2016	110	
137.	1254A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đặng Châu Anh	2015	110	
138.	1258A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Duy Minh	2015	110	
139.	1547A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Duy Lâm	2015	110	
140.	1143A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đình Duy Kiên	2015	105	
141.	1564A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Cao Anh Kiệt	2015	105	
142.	1279A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Bảo Kiệt	2016	105	
143.	1743A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Bá Nam	2015	105	
144.	1437A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đức Minh Hiệu	2017	105	
145.	1479A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Hoàng Dương	2016	100	
146.	1604A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phí Anh Minh	2016	100	
147.	1373A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Sỹ Tuấn Minh	2018	100	
148.	1019A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Tuấn Long	2015	100	
149.	1245A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Trung Quân	2015	100	
150.	1712A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Xuân Minh Khang	2015	100	
151.	1357A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Anh	2016	100	
152.	1522A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Tùng Lâm	2016	100	
153.	0969A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Tùng Lâm	2016	100	
154.	1687A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Minh Triết	2016	100	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
155.	1690A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Phúc Minh Thành	2015	100	
156.	1173A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Đức Trí	2015	100	
157.	1337A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hoàng Hải Nam	2015	95	
158.	1518A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Lâm Thiên Anh	2015	90	
159.	1087A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Đức Đông	2016	90	
160.	1273A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Phú Quốc	2016	90	
161.	1120A026	Miền Bắc	Hà Nội	Giang Đặng Anh Khoa	2015	90	
162.	1141A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Minh Khôi	2017	90	
163.	1033A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Phúc Huy	2017	85	
164.	1458A026	Miền Bắc	Hà Nội	Thạch Nhã An	2016	85	
165.	1395A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Đức Thành	2016	85	
166.	1538A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Lê Minh Trung	2015	85	
167.	1642A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Anh Bảo	2016	85	
168.	1097A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyen Sy Duy	2015	85	
169.	1535A026	Miền Bắc	Hà Nội	Luu Ngọc Phương My	2015	80	
170.	1532A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khôi	2016	80	
171.	1081A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Hoàng Minh Nhật	2016	80	
172.	1648A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	2015	80	
173.	1445A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Khoa	2015	80	
174.	1387A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Ngọc Minh An	2015	80	
175.	1059A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Franklin	2016	80	
176.	0381A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Khoa	2015	80	
177.	1399A026	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Doãn Hải Dương	2014	75	
178.	1099A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Khánh	2015	75	
179.	1041A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Công Thiên Kiệt	2015	70	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
180.	1262A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bảo Vương Gia	2015	70	
181.	1386A026	Miền Bắc	Hung Yên	Trịnh Viết Tuấn Phong	2015	70	
182.	1385A026	Miền Bắc	Hung Yên	Đặng Trần Gia Bảo	2016	70	
183.	1756A026	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Minh Quân	2016	65	
184.	1209A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Vũ Minh Huy	2016	60	
185.	1451A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	2016	60	
186.	1432A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Gia Bách	2017	60	
187.	1396A026	Miền Bắc	Hung Yên	Phạm Quang Tú	2015	55	
188.	0733A026	Miền Bắc	Hung Yên	Nguyễn Danh Phúc	2016	55	
189.	1563A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Tùng Lâm	2015	50	
190.	1473A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trần Khánh Toàn	2015	50	
191.	1134A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Xuân Lâm	2016	40	
192.	1276A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Vũ Hoàng Quân	2016	40	
193.	1380A026	Miền Bắc	Hung Yên	Phan Gia Bình	2015	40	
194.	1329A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Sỹ Nghiêm	2015	35	
195.	1308A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Huy	2016	35	
196.	1403A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Bảo Minh	2015	30	
197.	1392A026	Miền Bắc	Hung Yên	Vũ Nguyễn Anh	2016	30	
198.	1055A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Nguyễn Nam Anh	2015	30	
199.	1229A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huyền Đan	2017	30	
200.	1744A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hải Đăng	2015	30	
201.	1523A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Minh Hiếu	2016	30	
202.	1185A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thái An	2016	10	
203.	1488A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Minh Khôi	2016	10	
204.	1383A026	Miền Bắc	Hung Yên	Hoàng Minh Quân	2017	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
205.	1425A026	Miền Bắc	Hà Nội	Thái Khắc Minh Đức	2016	10	
206.	1195A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vu Hạo Nhiên	2016	5	
207.	1168A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đình Nguyễn Việt Trà	2015	5	
208.	0977A026	Miền Bắc	Hà Nội	Châu Quốc An	2017	0	
208.	1046A026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Trường Phong	2017	0	
208.	1108A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đăng	2017	0	
208.	1135A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Chu Quang Thạch	2015	0 (Sau phúc khảo)	
208.	1154A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đặng Kim Thu	2016	0	
208.	1167A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Công Dũng	2016	0	
208.	1190A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hoàng Minh Sơn	2015	0	
208.	1202A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Đỗ Huy Hoàng	2015	0	
208.	1207A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Nhật Nam	2016	0	
208.	1212A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Minh Trí	2015	0	
208.	1230A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phúc An Khang	2015	0	
208.	1351A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tiến	2015	0	
208.	1366A026	Miền Bắc	Hà Nội	Võ Nguyễn Nhật Minh	2017	0	
208.	1370A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Tiến Dũng	2015	0	
208.	1382A026	Miền Bắc	Hung Yên	Bùi Tiến Anh	2016	0	
208.	1391A026	Miền Bắc	Hung Yên	Nguyễn Bảo An	2016	0	
208.	1407A026	Miền Bắc	Hung Yên	Nguyễn Việt Huy Minh	2015	0	
208.	1494A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Minh Ngọc	2016	0	
208.	1534A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Bảo Duy	2015	0	
208.	1641A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Trí	2016	0	
208.	1653A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tô Linh	2016	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
208.	1663A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Xuân Phong	2015	0	
208.	1702A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hùng Anh	2015	0	
208.	1714A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Khải	2016	0	
208.	1716A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Như Gia An	2015	0	
208.	1722A026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Vĩ Kỳ	2018	0	
208.	1732A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Thiện Phúc	2000	0	
208.	1558A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Khánh Chi	2016	0	
208.	1614A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Ngọc Nam Phong	2017	0	

Danh sách gồm 236 thí sinh./.

I.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	1692A026	Miền Trung	Nghệ An	Từ Đức Anh	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	1298A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Nhật Hoàng	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	1431A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Nguyễn Hoàng Phát	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	1517A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Mai Minh Hưng	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	1505A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Duy Khoa	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	1359A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Phan Hoàng Bảo	2014	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	1661A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Minh Khuê	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	1503A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Lê Minh Hy	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	1398A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Phúc	2015	480	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0999A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nhật Huy	2015	480	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	1600A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trúc Lam	2016	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	1593A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Gia Hân	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	1677A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thành An	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	1554A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nam Nguyên	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	1674A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nhật Ngân	2015	435	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	1467A026	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Nhật Quang	2015	430	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	1510A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trần Nguyên	2015	430	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	1224A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phú Khải	2015	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	1374A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Việt	2015	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	1659A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Thành Đạt	2015	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	1693A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Bảo Phúc	2015	415	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	1393A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Thị Huyền Linh	2016	415	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0980A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Sơn	2015	415	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	1595A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trí Thành	2015	415	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	1231A026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Khoa Nam	2015	410	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	1073A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Khang	2015	405	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	1428A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Chí Bảo	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	1267A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Thiên Ân	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	1244A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Kiệt	2015	390 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	1635A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Cẩm Tú	2015	380	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	1056A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Đại Long	2015	380	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	1257A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyên Anh	2015	380	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	1248A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Văn Thiên Khánh	2015	375	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	1016A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Mộc Trà	2015	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	1126A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hồ Diễm Quỳnh	2015	365	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	1607A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trần Bách	2015	360	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	1513A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Duy Dũng	2015	360	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	1410A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Anh Thư	2016	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	1524A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Sử Lê Gia Thịnh	2015	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	1443A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Chiêu Anh	2015	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	1118A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Phúc Bảo	2015	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	1452A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phạm Phúc Hưng	2015	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	1188A026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Trịnh Khôi Nguyên	2016	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	0753A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Khôi Nguyên	2016	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	1541A026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Pháp	2016	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	1309A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Quốc Huy	2015	330	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	1529A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Thị Hạnh	2015	320	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	1178A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Khánh Toàn	2015	315	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	1346A026	Miền Trung	Gia Lai	Lê Minh Bảo	2015	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	1142A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Nhật Minh	2015	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	0987A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Tăng Kiến Văn	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	1737A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Học Các	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	1352A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Văn Khôi	2015	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	0282A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Minh Khang	2015	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	1644A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Thảo Diệp	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	1698A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Thảo Nhi	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	1345A026	Miền Trung	Gia Lai	Lê Duy Khoa	2015	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	1569A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Vinh	2015	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	1067A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Gia Khang	2015	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	1303A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Nguyễn Minh Trí	2015	270 (Thời gian: 02:41:48)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	1502A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Nhật	2016	270 (Thời gian: 02:44:22)	
62.	1339A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Phan Trung Đức	2015	270	
63.	1439A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Tấn Minh Khôi	2015	270	
64.	1637A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Vũ Quốc Nhật Minh	2015	270	
65.	1062A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Khôi Nguyên	2015	270	
66.	1176A026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Lê Hoàng Duy Anh	2015	265	
67.	1024A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Minh Hiếu	2016	265	
68.	1323A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Khánh	2015	265	
69.	1462A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Hữu Sang	2015	265	
70.	1371A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Mạnh Thành Danh	2015	265	
71.	1731A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Công Khôi	2015	265	
72.	1610A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Ngọc Đông Minh	2015	265	
73.	0972A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Trung Dũng	2015	265	
74.	1566A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đức Huy	2015	265 (Sau phúc khảo)	
75.	0940A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Việt Gia Huy	2015	260	
76.	1369A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Anh Minh	2016	255 (Sau phúc khảo)	
77.	1031A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phan Huyền	2015	255	
78.	1066A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Nhật Nguyên	2015	255	
79.	0956A026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Thành Nam	2015	255	
80.	1645A026	Miền Trung	Huế	Nguyễn Quang Phúc	2016	250	
81.	1384A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Hoàng	2016	245	
82.	1665A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Châu	2015	245	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
83.	1367A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ninh Quang Ngọc	2015	240	
84.	1406A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Huỳnh Thiên Nhân	2015	235	
85.	1658A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoài Gia Minh	2015	230	
86.	1570A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phùng Thê Phong	2015	230	
87.	1348A026	Miền Trung	Gia Lai	Hoàng Minh Huy	2015	225	
88.	1057A026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Võ Huỳnh An Khang	2016	225	
89.	1620A026	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Tuấn Vũ	2015	215	
90.	1242A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Tuấn Kiệt Dương	2015	215	
91.	1199A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đình Tùng	2015	215	
92.	1014A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Thái Nghĩa	2015	215	
93.	0978A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Xuân Hoàng	2016	205	
94.	1090A026	Miền Trung	Huê	Võ Phước Minh Lâm	2016	205	
95.	1578A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Anh Quân	2015	205	
96.	1362A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Hiếu	2015	200	
97.	0968A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thiện Nhân	2015	200	
98.	1151A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Vũ Minh Khang	2016	200	
99.	1313A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Hải Anh	2015	195	
100.	1002A026	Miền Trung	Đà Nẵng	La Quang Chính	2015	190	
101.	1584A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyen Huu Thang	2015	185	
102.	1468A026	Miền Trung	Gia Lai	Lý Đức Bảo	2015	185	
103.	1088A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Văn Bảo Nam	2015	185	
104.	1528A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lê Nguyên Kha	2015	185	
105.	0985A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bá Đạt	2015	185	
106.	0960A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Hoàng Long	2015	180	
107.	1320A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Hồ Nguyễn Hải Đăng	2015	180	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
108.	0949A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Vũ Hồng Bảo Nam	2016	180	
109.	1625A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Bảo Lâm	2016	175	
110.	1107A026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Bùi Thị Hảo	2015	175	
111.	1609A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Minh Triết	2015	170	
112.	1597A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Kiều Hà Hoàng Nguyên	2015	170 (Sau phúc khảo)	
113.	1416A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh An	2015	165	
114.	1572A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phạm Minh Khang	2015	160	
115.	1060A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Nguyễn Bảo Quỳnh	2015	160	
116.	1243A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	155	
117.	1543A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Ngân Khánh	2015	150	
118.	1530A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Huỳnh Hải Nam	2016	150	
119.	1639A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Trúc	2015	150	
120.	1545A026	Miền Trung	Đắk Lắk	Bùi Xuân Phúc	2015	130	
121.	1470A026	Miền Trung	Nghệ An	Quách Thị Lĩnh	2015	130	
122.	1187A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Xuân Ngọc Hồng Phúc	2015	130	
123.	1080A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phùng Minh Phúc	2015	130	
124.	1533A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Anh Kiệt	2015	130	
125.	1182A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hoàng Nam	2015	125	
126.	1623A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Quân	2015	125	
127.	1441A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Thảo Nguyên	2015	125	
128.	0971A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Chấn Phong	2015	125	
129.	1695A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trung Khôi	2016	120	
130.	1669A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Đạt	2015	120	
131.	1571A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Mai Đỗ Tùng Nguyên	2016	120 (Sau phúc khảo)	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
132.	1673A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hoàng Gia	2015	115	
133.	1250A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Nguyên Khang	2018	115	
134.	1474A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Huy	2015	115	
135.	1261A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Việt Khôi	2015	115	
136.	1121A026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Đình Dũng	2016	110	
137.	1217A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Hồng Phúc	2016	110	
138.	1701A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phan Mạnh Minh	2015	110	
139.	1636A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Võ Quang Dũng	2017	110	
140.	1280A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Hoàng My	2016	105	
141.	1005A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Lâm Phú	2016	105	
142.	1420A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Thị Tuyết	2015	105	
143.	1211A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Tuấn Ngọc	2017	105	
144.	1605A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Lê Quỳnh Như	2016	105	
145.	1411A026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Lê Minh Hùng	2015	100	
146.	0948A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phạm Toàn Thắng	2015	100	
147.	1051A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nam	2015	100	
148.	1466A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hoàng Lâm	2015	100	
149.	1159A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hà Linh	2016	95	
150.	1675A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Hữu Anh	2015	90	
151.	1013A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Bá An Khang	2015	90	
152.	1514A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn An Nhiên	2015	90	
153.	0958A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Thanh Tùng	2015	85	
154.	1507A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Minh Nguyệt	2015	80	
155.	1376A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Quang Thuận	2015	80	
156.	1069A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Mai Anh Nhật	2015	80	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
157.	1544A026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Vũ Gia Huy	2016	80	
158.	1130A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Sử Lê Thảo Chi	2015	80	
159.	1125A026	Miền Trung	Nghệ An	Trịnh Minh Tân	2016	75	
160.	1070A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Cù Nhật Minh	2016	70	
161.	1414A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Nhật Anh	2015	70	
162.	1512A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Hải Đăng	2015	70	
163.	1000A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Đặng Nguyễn Quốc Duy	2015	65	
164.	0992A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hà Anh Khoa	2015	65	
165.	1272A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Tuấn Kiệt	2015	60	
166.	1161A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phan Bình Nguyên	2017	60	
167.	1629A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Công Trọng	2017	60	
168.	1104A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Thiên An	2015	55	
169.	1100A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Lâm	2015	55	
170.	1490A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình Nguyên	2016	50	
171.	1413A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trần Quốc Anh	2016	50	
172.	1542A026	Miền Trung	Quảng Trị	Hoàng Minh Hưng	2016	45	
173.	1239A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huy Phong	2016	45	
174.	1214A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Vũ Bảo Nam	2017	45	
175.	1123A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Ngọc Duy	2016	40	
176.	1328A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Thiên Thạch	2015	40	
177.	1160A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Thiện	2017	40	
178.	1657A026	Miền Trung	Nghệ An	Phùng Minh Đạt	2015	40	
179.	1465A026	Miền Trung	Nghệ An	Phùng Hải Long	2016	40	
180.	1124A026	Miền Trung	Nghệ An	Hoàng Bảo Duy	2016	40	
181.	1684A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hoàng Phúc	2016	30	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
182.	1591A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Thư	2015	20	
183.	1368A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phan Minh Trí	2015	15	
184.	1531A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Minh An	2016	10	
185.	1030A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	2015	10	
186.	1007A026	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Quang Anh	2015	10	
187.	1218A026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Hà Phương	2017	10	
188.	1122A026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Bá Hưng	2017	10	
189.	1032A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trịnh Huy Bảo	2015	5	
190.	1068A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Công Chí Thiện	2015	5	
191.	0229A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Chí Hiếu	2015	5	
192.	0221A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Khải Hoàng An	2015	0	
192.	0989A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Anh Tuấn	2000	0	
192.	0997A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Hoàng Tuấn Anh	2017	0	
192.	1021A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Mai Gia Khang	2015	0	
192.	1025A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Lý An Nam	2016	0	
192.	1084A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Công Tín	2017	0	
192.	1102A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Thái Kha	2015	0	
192.	1158A026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Việt Anh	2016	0	
192.	1194A026	Miền Trung	Nghệ An	Võ Hoàng Lâm	2016	0	
192.	1281A026	Miền Trung	Nghệ An	Tạ Quốc Vinh	2016	0	
192.	1145A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Võ Nhật Huy	2015	0	
192.	1163A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Vương Ngọc Bảo Trâm	2015	0	
192.	1165A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Huỳnh Khánh An	2016	0	
192.	1277A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Võ Ngọc Bảo Lâm	2015	0	
192.	1325A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đình Phúc Nguyên	2015	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
192.	1343A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Khải	2015	0	
192.	1350A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trịnh Trần Thanh Thuận	2015	0	
192.	1390A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Mai Trần Thành Nhân	2016	0	
192.	1435A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tân Long	2015	0	
192.	1450A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phan Hữu Phúc Hưng	2017	0 (Sau phúc khảo)	
192.	1460A026	Miền Trung	Quảng Trị	Phạm Ngọc Bảo Hân	2016	0 (Sau phúc khảo)	
192.	1471A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Việt Hoàng	2015	0	
192.	1647A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Đặng Sử Phúc Hưng	2016	0	
192.	1655A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Lê Như Cát	2016	0	
192.	1699A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hải Đăng	2015	0	
192.	1755A026	Miền Trung	Gia Lai	Trương Gia Bảo	2015	0	
192.	1360A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Triều Vỹ	2015	0	
192.	1735A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nhật Quang	2015	0	

Danh sách gồm 129 thí sinh./.

I.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	1110A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Minh	2015	495	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	1164A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Khải Anh	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	1749A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Cao Sơn	2016	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	1691A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Viết Gia Hy	2016	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0970A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Hoàng Phúc	2016	400	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
6.	0941A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Minh Hiếu	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	1421A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Trọng Khôi	2015	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	1475A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Đoàn Gia Huy	2015	295	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	1180A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Huỳnh Gia An	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	1072A026	Miền Nam	An Giang	Trần Bảo Khiêm	2015	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	1322A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nghiêm Tuấn Phong	2015	275	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
12.	1049A026	Miền Nam	Đồng Nai	Đoàn Vinh Dự	2015	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	1203A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Quang Vinh	2015	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0955A026	Miền Nam	Đồng Tháp	Đào Duy Phan Anh	2015	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	1615A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Hạo Thiên	2016	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	1616A026	Miền Nam	An Giang	Phan Thiện Minh	2015	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	1050A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Chu Minh Đạt	2015	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	1650A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Từ Thành Đạt	2015	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	1324A026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Thành Danh	2015	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	1668A026	Miền Nam	Cà Mau	Võ Phúc An	2015	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	1440A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh Linh	2015	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	1036A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Mai Ngọc An	2016	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	1268A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Tuấn Kiệt	2015	220	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
24.	1549A026	Miền Nam	Cà Mau	Lê Đặng Khánh Thy	2015	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	1627A026	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Trí Khoa	2015	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0996A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trịnh Khánh Linh	2015	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	1037A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Thái Phong	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	1667A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tô Xuân Hoài	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	1640A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đoàn Tâm An	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	1047A026	Miền Nam	Cà Mau	Cao Hà Gia Bảo	2015	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	1592A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Đình Nguyên	2015	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	1753A026	Miền Nam	Cần Thơ	Đông Anh Đức	2016	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	1472A026	Miền Nam	Tây Ninh	Trịnh Trí Nguyễn	2015	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	1071A026	Miền Nam	Đồng Nai	Lê Trung Quân	2015	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	1681A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Thái Thành An	2015	190	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
36.	1618A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hồng Trang My	2015	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	1433A026	Miền Nam	Cà Mau	Trần Minh Nhật	2015	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	1612A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Anh Khoa	2015	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	0454A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	2016	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	1617A026	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Trần Phước Thịnh	2015	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	1424A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tạ Lê Thảo Nhi	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	0392A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hùng Anh	2016	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	1613A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Ngọc Phúc Nguyên	2015	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	1646A026	Miền Nam	An Giang	Phan Ngọc Nhã Khương	2015	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	1127A026	Miền Nam	Đồng Nai	Thái Ngọc Gia Hân	2015	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	1330A026	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Thành Tấn	2015	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	1402A026	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Hữu Phú An	2015	150	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
48.	1415A026	Miền Nam	Cần Thơ	Trần Thị Bảo Linh	2015	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	1745A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Minh Khang	2016	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	1733A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Công Lâm	2015	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	1676A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Văn Phú Dương	2015	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	1169A026	Miền Nam	Đồng Nai	Hồ Đoàn Đức Thiên	2017	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	1027A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Đức Minh	2015	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	1251A026	Miền Nam	Đồng Nai	Trần Tấn Lộc	2016	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	1688A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Thăng	2015	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	1405A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Thế Khải	2015	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	0991A026	Miền Nam	Đồng Nai	Dương Quốc Thái Bảo	2015	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	1365A026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Minh Khang	2015	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	1310A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Hân	2018	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	1457A026	Miền Nam	Cần Thơ	Trình Xuân Đại Nghĩa	2015	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	1058A026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Hoàng Quân	2015	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	1619A026	Miền Nam	An Giang	Đoàn Minh Phong	2015	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
63.	1192A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Tùng	2016	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
64.	1226A026	Miền Nam	An Giang	Phạm Chí Thiên	2015	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
65.	1478A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Minh	2016	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
66.	0973A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Thị Ngọc Bích	2015	95	
67.	1573A026	Miền Nam	Cà Mau	Trần Nguyễn Mỹ Lộc	2015	85	
68.	1022A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Minh Anh	2016	85	
69.	1590A026	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Tuấn Anh	2015	85	
70.	1583A026	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	85	
71.	0965A026	Miền Nam	Đồng Nai	Trương Gia Huy	2015	85	
72.	1666A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Phạm Thiên Kim	2015	80 (Sau phúc khảo)	
73.	1001A026	Miền Nam	Cần Thơ	Đoàn Nguyễn Minh Khang	2017	80	
74.	1079A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Phúc Bình	2017	75	
75.	1193A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hải Minh	2015	70 (Sau phúc khảo)	
76.	1469A026	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Hiền	2015	70	
77.	1306A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Nguyễn Bảo An	2015	70	
78.	1720A026	Miền Nam	An Giang	Nông Võ Tuyết Nhi	2015	60	
79.	0986A026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Khánh Hoàng	2015	60	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
80.	1546A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh Hòa	2015	60	
81.	0193A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Lâm Anh Duy	2016	55 (Sau phúc khảo)	
82.	1555A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hồ Khôi Nguyên	2015	50	
83.	1038A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đào Việt Trọng Phước	2015	50	
84.	1511A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Thiên Ân	2016	50	
85.	1101A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tạ Thanh An	2015	50	
86.	1075A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nam Anh	2016	40	
87.	0962A026	Miền Nam	Cần Thơ	Trần Tấn Phước	2015	40	
88.	1305A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Gia Bảo	2015	40	
89.	1095A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Phương Tuệ Anh	2017	40	
90.	1304A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đậu Tiến Đạt	2015	20	
91.	0954A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Hải Phong	2017	20	
92.	1312A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Mạnh Quân	2016	20	
93.	1076A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Thanh Thiện Thành	2015	15	
94.	1574A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Khánh Nam	2015	10	
95.	1023A026	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Nguyễn Hoàng Thiên Long	2016	10	
96.	1116A026	Miền Nam	Cần Thơ	Mai Hoàng Nhã Thy	2015	10	
97.	0951A026	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Trần Nhật Minh	2015	10	
98.	1356A026	Miền Nam	Tây Ninh	Lê Nguyễn Phương Anh	2015	5	
99.	0633A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Tấn Thiên Minh	2015	0	
99.	0942A026	Miền Nam	Đồng Nai	Hồ Tô Nhật Minh	2016	0	
99.	0964A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn An Kiệt	2015	0	
99.	1009A026	Miền Nam	Cần Thơ	Quyên Ngô Thị Thúy	2016	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
99.	1094A026	Miền Nam	Cần Thơ	La Nhật Nam	2016	0	
99.	1333A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Minh Khang	2016	0	
99.	1498A026	Miền Nam	Cần Thơ	Trần Phạm Kiến Tính	2016	0	
99.	0983A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Bảo Như	2015	0	
99.	1181A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Huy Khang	2015	0	
99.	1183A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Ngọc Yên	2015	0	
99.	1213A026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Anh Kiệt	2015	0	
99.	1286A026	Miền Nam	Cần Thơ	Phạm Huy Đức	2015	0	
99.	1349A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Quốc Thiên	2017	0	
99.	1394A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phước Nguyên Lộc	2015	0	
99.	1397A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Thịnh	2015	0	
99.	1429A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Phước Khang	2016	0	
99.	1496A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Phương Linh	2015	0	
99.	1520A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bảo Đạt	2016	0	
99.	1594A026	Miền Nam	Tây Ninh	Trần Khải Uy	2016	0	
99.	1608A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Hữu Trí	2015	0	
99.	1611A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Dương Danh	2015	0	
99.	1630A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Hải Nam	2015	0	
99.	1656A026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Hữu Thiện	2015	0	
99.	1660A026	Miền Nam	Tây Ninh	Võ Ngọc Như Ý	2015	0	
99.	1664A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Dũng	2017	0	
99.	1184A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Lê Thùy Trang	2015	0	
99.	1219A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Ngọc	2015	0	
99.	1626A026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Quốc Khang	2015	0	

Danh sách gồm 126 thí sinh./.

II. BẢNG B: LẬP TRÌNH KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

II.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	1481B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hà Phan	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0990B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hồng Phong	2012	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0915B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khải	2013	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	1267B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Tiến Trường	2011	205	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
5.	1032B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Thị Thanh Vân	2012	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	1382B026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Phạm Minh Quang	2012	202.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	1148B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nam Phong	2012	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0834B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh Tuấn	2011	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	1256B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phương Anh	2012	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0988B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đàm Khánh Duy	2014	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	1320B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đức Trí	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	1617B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Xuân Phúc	2013	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	0997B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Doãn Hoàng Long	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0868B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Quang Huy	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	1345B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Bảo Lâm	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	1588B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Phúc Nguyên	2012	182.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0850B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Thái Vũ	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	1130B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Hoàng Khôi	2013	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	1569B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Quý	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	1035B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Vũ Trí Phúc	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0905B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Bảo Châu	2012	177.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	1356B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trần Trí Nguyên	2012	177.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	1628B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Dương Duy Bình	2011	172.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
24.	1189B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Hữu Đức Trí	2012	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	0952B026	Miền Bắc	Hung Yên	Đào Trung Phong	2011	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	1054B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Vũ	2013	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	1678B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Kỳ Nam	2013	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	1121B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khánh Tùng	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	1197B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Dương Trọng Nghĩa	2012	162.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	1509B026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Khôi Nguyên	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	1016B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Phạm Hồng Kỳ	2011	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	1030B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Bình Minh	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	0986B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Hoàng Lâm	2014	157.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	1431B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đặng Đức Dương	2011	157.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	1419B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Minh	2014	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	0937B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Minh	2014	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	1495B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Duy Minh	2013	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	1619B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hà Quốc Nhật Nam	2011	152.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	1679B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Thái	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	1057B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đình Nhật Huy	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	0820B026	Miền Bắc	Hà Nội	Chung Minh Tiến	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	1664B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Quang Vinh	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	1682B026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Trung Nghĩa	2014	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	1684B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Quang Vũ	2012	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	1626B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Dương Bảo Nam	2012	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	1398B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh	2012	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
47.	0924B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khôi	2013	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	1100B026	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Tấn Khang	2012	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
49.	1072B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Bùi Ngọc Phát Đạt	2012	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	1677B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Hải Minh	2014	142.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	1104B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Lê Anh Quân	2011	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	0773B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Trần Thái An	2013	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	1523B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Trọng	2011	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	1480B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Anh	2014	137.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	0935B026	Miền Bắc	Hà Nội	Thắm Anh Quân	2013	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	1427B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nam Khánh	2012	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	1410B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Quang Vinh	2012	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	1068B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Phúc Nguyên	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
59.	0378B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Anh	2013	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	1091B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Đô	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61.	0889B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Khôi	2013	125 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	1109B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Đỗ Bảo Nam	2013	122.5	
63.	1511B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thái Vinh	2013	122.5 (Sau phúc khảo)	
64.	1324B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Lê Thái Hoàng	2014	122.5 (Sau phúc khảo)	
65.	0822B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2012	122.5	
66.	1034B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Nhân Kiệt	2012	120	
67.	0899B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Vũ	2013	120	
68.	0980B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Giang	2012	120	
69.	1337B026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Hoàng Dũng	2013	115	
70.	1608B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Trần Khánh Thịnh	2012	115	
71.	1369B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Bảo Lâm	2013	112.5 (Sau phúc khảo)	
72.	0770B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hoàng Minh Hiếu	2014	112.5	
73.	1309B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Hòa	2011	110	
74.	1265B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lã Công Bảo Long	2012	110	
75.	0711B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2013	107.5	
76.	1402B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Kiệt	2012	107.5	
77.	1118B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Hoàng Anh	2011	105	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
78.	1269B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Hưng	2012	102.5	
79.	1563B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Cao Minh Sơn	2013	102.5	
80.	1232B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Tạ Nguyên Hạo Nam	2012	102.5	
81.	1510B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Việt Long	2012	100	
82.	1529B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bá Bảo Nam	2013	100	
83.	1280B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Vũ Lê Duy	2012	100	
84.	1505B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Tuấn Hưng	2013	100	
85.	1364B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Hoàng Minh	2012	100	
86.	0845B026	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Tài Đức	2014	97.5 (Sau phúc khảo)	
87.	0890B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đại Dương	2012	97.5	
88.	1407B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Phạm Trần Mạnh Quang	2012	95	
89.	1623B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Đức Anh	2014	95	
90.	1482B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Hoàng Minh	2012	95	
91.	0970B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Gia Phong	2011	95	
92.	1218B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Phúc Minh	2014	92.5	
93.	1657B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Như Thanh	2011	92.5 (Sau phúc khảo)	
94.	0925B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lã Thế Tùng	2013	90	
95.	0931B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Ngọc Thành Công	2013	87.5 (Sau phúc khảo)	
96.	1026B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Anh Thái	2013	87.5	
97.	0933B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Quang Hải	2012	87.5	
98.	1609B026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Khánh Vinh	2013	85	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
99.	0805B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Đỗ Minh Khôi Nguyên	2012	85	
100.	1513B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2012	85	
101.	0934B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Quang Dũng	2014	85	
102.	1174B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Quốc Bảo	2012	85	
103.	1565B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Anh Đức	2014	82.5	
104.	0962B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Chí Đồng	2011	82.5	
105.	1446B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Chí Công	2014	82.5	
106.	1475B026	Miền Bắc	Sơn La	Nguyễn Quốc Bảo	2012	82.5	
107.	1399B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Hưng	2012	80	
108.	1244B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Minh	2014	80	
109.	1097B026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Nguyễn Thảo An	2012	80	
110.	1222B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Phan Nhật Minh	2012	80	
111.	1455B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Nam Phong	2013	80	
112.	0837B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Gia Huy	2013	80	
113.	1676B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Cao Thắng	2013	77.5	
114.	1613B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hoàng Dương	2013	77.5	
115.	1442B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Quang Hiếu	2013	77.5	
116.	0769B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Huy Anh	2014	77.5	
117.	1230B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Hoàng Khánh	2013	75	
118.	1281B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Cao Tùng Lâm	2013	75	
119.	1154B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Hà	2012	75	
120.	1120B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Dương Thành Hưng	2013	75	
121.	0817B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khoa An	2013	75	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
122.	0831B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Chí An	2013	72.5	
123.	1228B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trần Linh Chi	2012	72.5 (Sau phúc khảo)	
124.	1384B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thái Gia Hiển	2013	70	
125.	0938B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Việt Huy	2000	70	
126.	0922B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Tuấn Khôi	2013	70	
127.	1528B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Xuân Hiếu	2012	70	
128.	1108B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Mạnh Hùng	2012	70	
129.	0903B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Nguyễn Hùng Lộc	2013	70	
130.	1444B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Bảo Lâm	2014	70	
131.	0958B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Nguyên	2012	67.5	
132.	1161B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Phương Linh	2012	67.5	
133.	1417B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Việt Trọng	2014	67.5	
134.	1393B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lâm Phong	2011	67.5	
135.	1656B026	Miền Bắc	Thái Nguyên	Phùng Đình Kiệt	2014	65	
136.	0886B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Tiến Đông	2013	65	
137.	1018B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyen Tuan Hung	2012	62.5	
138.	1260B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành Vinh	2014	62.5	
139.	1685B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Lâm	2012	60	
140.	1312B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Năng Bảo Nam	2012	60	
141.	1454B026	Miền Bắc	Tuyên Quang	Phạm Vũ Nguyên Đức	2012	60	
142.	1024B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Bách Phương Vinh	2011	60	
143.	1568B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Bùi Thanh Phong	2013	60	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
144.	0942B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Dũng	2014	60	
145.	1261B026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Đăng Khôi Nguyên	2013	57.5	
146.	0984B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Khắc Phú	2013	57.5	
147.	0911B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Mạnh Cường	2013	57.5	
148.	1237B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Trần Như Đăng	2014	57.5	
149.	1560B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Minh Khang	2013	55	
150.	1145B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Đạt	2013	55	
151.	1226B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phong Nam	2012	55	
152.	0907B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Quý Hải	2013	55	
153.	1331B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Gia Huy	2013	55	
154.	1198B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nam Phong	2014	52.5	
155.	1629B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Gia Bảo	2012	50	
156.	1386B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đàm Minh Khôi	2012	50	
157.	1606B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vương Khải Mai	2013	50	
158.	1591B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Bá Duy Tùng	2011	50	
159.	1051B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Khắc Huy Giáp	2012	50	
160.	1338B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Đăng Minh	2012	50	
161.	1689B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Minh Quân	2014	47.5	
162.	1240B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Võ Thành Nguyên	2014	47.5	
163.	1485B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Anh Kiệt	2012	47.5	
164.	0818B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Đặng Quốc Hải	2013	47.5	
165.	1058B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Minh Minh	2014	47.5	
166.	0913B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Đức Anh	2014	45	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
167.	0855B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Vũ Phong	2012	45	
168.	1645B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Minh Trí	2014	45	
169.	1211B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Cao Tiến	2014	45	
170.	1002B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Minh Thành	2013	45	
171.	1567B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Ngô Cao Lam Giang	2012	45	
172.	1537B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Quân	2012	45	
173.	0836B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Đức Kiệt	2014	45	
174.	1456B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Trần Trọng Đại	2012	45	
175.	0887B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bá Minh Khôi	2014	45	
176.	1652B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bá Gia Long	2013	45	
177.	0906B026	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Thị Ngọc Lâm	2013	40	
178.	1124B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Công Minh Vũ	2012	35	
179.	1426B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phí Minh Vũ	2012	35	
180.	1450B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Anh Tuấn	2012	35	
181.	1009B026	Miền Bắc	Hung Yên	Nguyễn Tất Phong	2013	35	
182.	0983B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Trần Minh Tân	2013	30	
183.	0784B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Việt Linh	2014	30	
184.	0856B026	Miền Bắc	Hung Yên	Đặng Quang Thế Sơn	2011	25	
185.	1352B026	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Khánh Lâm	2013	25	
186.	1582B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hải Trần	2012	15	
187.	0802B026	Miền Bắc	Hung Yên	Hoàng Anh Khôi	2013	10	
188.	1366B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Doãn Đăng Phong	2014	10	
189.	1590B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nhật Quang Nguyễn	2014	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
190.	1476B026	Miền Bắc	Sơn La	Nguyễn Lê Trí Đạt	2012	10	
191.	1045B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Minh Khang	2013	7.5	
192.	1520B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	2012	5	
193.	1470B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Mạnh	2013	5	
194.	1418B026	Miền Bắc	Thái Nguyên	Trần Tiến Minh	2012	5	
195.	0559B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Nguyễn Thảo Nguyên	2014	0	
195.	0800B026	Miền Bắc	Thái Nguyên	Phan Minh Hải	2012	0	
195.	0849B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Trí Đức	2012	0	
195.	0923B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Tuấn Phong	2012	0	
195.	1166B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hoàng Anh Vũ	2012	0	
195.	1180B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành Lâm	2014	0	
195.	1258B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Việt Quang Long	2012	0	
195.	0949B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Đào Lê Tuệ Minh	2012	0	
195.	0956B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Phan Gia Huy	2014	0	
195.	0976B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lương An Quân	2013	0	
195.	1014B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Trường Giang	2014	0	
195.	1102B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn An Bình	2014	0	
195.	1123B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Vũ Đức Hoàng Hải	2012	0	
195.	1176B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Nguyễn Minh Trí	2012	0	
195.	1184B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Văn Trường Thành	2014	0	
195.	1199B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Huy	2012	0	
195.	1278B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Thái Sam	2013	0	
195.	1314B026	Miền Bắc	Hà Nội	Tô Bách Khang	2014	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
195.	1388B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Đức Long	2014	0	
195.	1391B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Nhật Nam	2013	0	
195.	1457B026	Miền Bắc	Tuyên Quang	Nguyễn Trường Giang	2011	0	
195.	1492B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Danh	2013	0	
195.	1533B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Gia Bảo	2013	0	
195.	1544B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phùng Xuân Hòa	2012	0	
195.	1558B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Diệu Anh	2014	0	
195.	1681B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Tùng Lâm	2012	0	
195.	0803B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đức Hải Đăng	2014	0	
195.	0960B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ An Phát	2011	0	
195.	1127B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Long	2012	0 (Sau phúc khảo)	
195.	1389B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Thái Quang	2012	0	
195.	1597B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nam Phạm Hải	2013	0	
195.	1607B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Tạ Gia Lộc	2013	0	
195.	1095B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Nam Phong	2012	0 (Sau phúc khảo)	

Danh sách gồm 226 thí sinh./.

II.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	1296B026	Miền Trung	Quảng Trị	Thái Thành Công	2011	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	1216B026	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Quang Hưởng	2012	212.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0854B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Hồng Quân	2013	212.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	1524B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Công Triết	2011	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	1163B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Văn Mạnh	2012	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0876B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Bá Lương	2011	202.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	1134B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Phúc	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	1302B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Minh Quân	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	0968B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Tất Phước	2011	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0811B026	Miền Trung	Quảng Trị	Phan Minh Quân	2013	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	1658B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Tấn Phú Thịnh	2013	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	1015B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tấn Sơn Quân	2014	192.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	1262B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Hào	2013	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0881B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phúc Gia Huy	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0776B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Vũ Gia Huy	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	1508B026	Miền Trung	Nghệ An	Vũ Mạnh Hùng	2013	187.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0862B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phạm Khánh Hưng	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	1297B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Trung Hiếu	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0863B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trần Gia Hân	2014	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	1317B026	Miền Trung	Nghệ An	Lê Phạm Hải Nguyên	2013	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	1642B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hữu Bình	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	1554B026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Đức Phổ	2012	182.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0814B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Bình Minh	2011	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	1493B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Thiệu Khang	2013	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	1206B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đức Hoàng	2013	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0865B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Hải An	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	1251B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Duy Khánh	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	1308B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Minh Nhật	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	0885B026	Miền Trung	Quảng Trị	Lê Đăng Khoa	2013	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	1633B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Đăng Hoàng Quân	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	1634B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đức Đạt	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	0999B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Duy Hòa	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	1349B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Cao Anh Minh	2013	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	1504B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Quang Phong	2013	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	1616B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Việt Đức	2011	172.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	1605B026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Nhật Minh	2012	172.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	0815B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Việt Gia Khánh	2013	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	1293B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồ Linh Chi	2012	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	1092B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vũ Quỳnh Lam	2012	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	1286B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Nhật	2012	167.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	1270B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Nguyên Khải	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	0941B026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Tiến Nhật	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	0967B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Thanh Sơn	2013	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	1522B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Huy Nhật	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	1624B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Khắc Bảo Long	2012	162.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	0775B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Công Nhật Khoa	2012	162.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	0781B026	Miền Trung	Nghệ An	Hồ Đình Vỹ	2011	162.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	1257B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Dương Kim Khuyên	2014	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	1438B026	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Hoàng Huy	2013	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	1122B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Thành Khôi Nguyên	2014	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	1325B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Văn Hoàng Ngân	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	0813B026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Quốc Thái	2012	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	1604B026	Miền Trung	Nghệ An	Dương Nhật Huy	2012	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	1214B026	Miền Trung	Gia Lai	Hà Bùi Hoàng Long	2013	152.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	1672B026	Miền Trung	Nghệ An	Lê Bùi Minh Nhật	2012	152.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	1013B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Minh Khang	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	1600B026	Miền Trung	Nghệ An	Dương Kiến Văn	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	0807B026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Minh Đức	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	0985B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Võ Ngọc Đức	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	1654B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hải Dương	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	1042B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Ngọc Duy Minh	2013	147.5	
62.	1052B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Minh Đức	2011	145	
63.	1254B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Khôi Nguyên	2012	142.5	
64.	0847B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Minh Khang	2014	140 (Sau phúc khảo)	
65.	1373B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Bá Long	2012	140	
66.	1294B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Phúc	2012	140	
67.	1067B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đăng Lưu	2013	137.5	
68.	1371B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Đậu Quốc Trung	2013	135	
69.	1413B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khánh An Bình	2011	135	
70.	0798B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Mạnh Trí	2012	135	
71.	1328B026	Miền Trung	Quảng Trị	Phạm Trần Khôi Nguyên	2013	135	
72.	1126B026	Miền Trung	Gia Lai	Vũ Hoàng Nam	2013	132.5	
73.	1380B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Đình Bảo Nam	2013	132.5	
74.	1313B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Khang	2013	132.5	
75.	1653B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Minh	2011	130	
76.	0789B026	Miền Trung	Quảng Trị	Võ Việt Hưng	2011	130	
77.	1247B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Mi Chi	2014	130	
78.	1066B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hoài Anh	2013	127.5	
79.	1306B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Huỳnh Tấn Khang	2013	125	
80.	0877B026	Miền Trung	Nghệ An	Văn Việt Hà	2011	122.5	
81.	0824B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyên Khang	2014	122.5	
82.	0827B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Đình Minh	2013	120 (Sau phúc khảo)	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
83.	1396B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Nhật	2012	120	
84.	1133B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Bảo	2013	120 (Sau phúc khảo)	
85.	1143B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phan Lâm Quân	2011	115	
86.	1287B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Đình Trần Thủy Tiên	2013	115	
87.	1245B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hữu Minh Long	2014	112.5 (Sau phúc khảo)	
88.	1275B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Minh Đức	2013	112.5	
89.	0395B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khắc Trung Hiếu	2013	110	
90.	0663B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Thành	2013	110	
91.	0928B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Nam Khánh	2012	107.5 (Sau phúc khảo)	
92.	1135B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Mai Ngọc Mỹ	2014	107.5	
93.	1632B026	Miền Trung	Nghệ An	Bùi An Khang	2014	105	
94.	0782B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Trần Khôi Nguyên	2014	105	
95.	0793B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Quốc Đăng Khoa	2011	105	
96.	1071B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Minh Trí	2012	102.5	
97.	0914B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Gia Minh	2013	102.5	
98.	1420B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Minh Tiến	2012	102.5	
99.	1327B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Tiến Minh	2014	102.5	
100.	1264B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Phan Duy Bình	2013	100	
101.	1112B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Thái Duy Khôi	2013	100	
102.	1208B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đức Quân	2013	100	
103.	1503B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Quang Huy	2011	100	
104.	1472B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Nam Khoa	2011	100	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
105.	1326B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hải Minh	2000	97.5	
106.	0954B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Duy Khôi Trần	2012	97.5	
107.	1213B026	Miền Trung	Gia Lai	Võ Đăng Ngọc Lâm	2013	97.5	
108.	1063B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Thành Đạt	2013	97.5	
109.	1334B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Đình Khôi	2014	97.5 (Sau phúc khảo)	
110.	1305B026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Bảo Hưng	2014	97.5	
111.	1283B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Bảo Khánh	2012	95	
112.	1502B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Trần Nhật Giang	2013	95	
113.	1186B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Gia Khiêm	2013	90	
114.	1248B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Huỳnh Thiên Bảo	2012	90	
115.	1425B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Thị Ngọc Minh	2012	87.5	
116.	0790B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Bùi Quốc Bảo	2011	87.5	
117.	0995B026	Miền Trung	Nghệ An	Đặng Thiên Vĩnh	2012	87.5	
118.	1128B026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Xuân Phát	2014	87.5	
119.	0841B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Thiện Nhân	2014	85	
120.	0772B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phạm Vũ Quốc Hưng	2012	85	
121.	1253B026	Miền Trung	Nghệ An	Đặng Xuân Đại	2012	85	
122.	0979B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Khải	2013	85	
123.	0476B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Đức Phát	2013	85	
124.	1466B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Quốc Huy	2012	85	
125.	1146B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Gia Hân	2011	85	
126.	1494B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Gia An	2012	85	
127.	0875B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Bách	2012	85	
128.	1276B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Cảnh Tiến	2012	85	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
129.	1158B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Tấn Đạt	2014	85	
130.	1106B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Trí	2019	85	
131.	1615B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Thanh Nam	2013	85	
132.	1007B026	Miền Trung	Gia Lai	Trần Đức Bảo Lâm	2011	85	
133.	0364B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Đào Xuân Tiến	2013	80	
134.	0917B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Diễm	2014	80	
135.	1463B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Minh Khôi	2012	80	
136.	1622B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Duy Trường	2012	80	
137.	0825B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Lê Đức Toàn	2013	77.5	
138.	1435B026	Miền Trung	Nghệ An	Đậu Chí Đức	2014	77.5	
139.	1541B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Đức Duy	2013	70	
140.	0982B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Hiếu	2014	70	
141.	1378B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đăng Toàn	2013	67.5	
142.	0783B026	Miền Trung	Nghệ An	Bảo Đình	2011	65	
143.	1432B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Đức Giang	2012	65	
144.	1159B026	Miền Trung	Nghệ An	Phùng Duy Khánh	2012	65	
145.	1151B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Nam Hải	2012	65	
146.	1113B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Vũ Như Hoàng Minh	2012	62.5	
147.	1532B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phan Nguyễn Nhã Uyên	2013	62.5	
148.	1243B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Thái	2014	60	
149.	1448B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Tôn Thất Bảo Duy	2013	60	
150.	0804B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Thành Long	2012	60	
151.	1411B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Chánh Minh Khôi	2012	60	
152.	1205B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Thiên Lê Ngọc Hoàng	2012	60	
153.	1315B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Hồ Hữu Khôi	2014	60	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
154.	1022B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Xuân Huy	2011	60	
155.	1147B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Quang Hiến	2014	57.5	
156.	0823B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Phạm Việt Khoa	2014	57.5	
157.	1165B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đăng Bảo	2014	55	
158.	1004B026	Miền Trung	Quảng Trị	Cái Kim Thuần	2011	55	
159.	1374B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phạm Thế Trường	2014	55	
160.	1557B026	Miền Trung	Nghệ An	Ngô Phương Lan	2013	55	
161.	1383B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hữu Đức Trí	2014	55	
162.	1564B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thiên Ân	2014	55	
163.	0993B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Duy Gia Bảo	2013	52.5	
164.	1234B026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Phúc Hiếu	2011	52.5	
165.	1323B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Hoàng Đức Mạnh	2013	52.5	
166.	1227B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Thiên Bảo	2014	50	
167.	0808B026	Miền Trung	Nghệ An	Hoàng Nghĩa Bách	2012	50	
168.	1536B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Tuấn Kiệt	2013	50	
169.	1385B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trung Kiên	2014	47.5	
170.	1289B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Chí Hiếu	2014	47.5	
171.	0927B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Bảo Minh	2012	47.5	
172.	1250B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Gia Khang	2014	47.5	
173.	1587B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Văn Bảo Lộc	2012	47.5	
174.	1499B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nhã Uyên Nguyễn Ngọc	2014	45	
175.	0853B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tấn Minh Hoàng	2014	45	
176.	1062B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Anh Thư	2012	45	
177.	1282B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Quang Thành	2012	45	
178.	1060B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Thị Minh Anh	2011	45	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
179.	0879B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phạm Thị Mỹ Trinh	2011	45	
180.	1025B026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Tuấn Kiệt	2013	45	
181.	0796B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Nguyễn An My	2013	45	
182.	1483B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Đình Sam	2013	45	
183.	1556B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Đăng Gia Huy	2013	45	
184.	1162B026	Miền Trung	Gia Lai	Lê Thanh Phong	2014	45	
185.	1599B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Đỗ Lê Gia Bảo	2013	45	
186.	1535B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Đỗ Thành Chương	2012	45	
187.	1381B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Bích Ngọc	2011	45	
188.	1141B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lã Trần Ngọc Hân	2014	42.5	
189.	1424B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Chánh Nguyên	2014	40	
190.	0936B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lý Phước Nguyên Khang	2014	40	
191.	1307B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Thái Bá Thành Nhân	2011	40	
192.	1156B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Bình Nguyên	2013	40	
193.	1188B026	Miền Trung	Huế	Nguyễn Đức Trí Nhân	2012	40	
194.	1021B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Minh Nhật	2014	37.5	
195.	1136B026	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Thái Khang	2014	35	
196.	1496B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Vòng Bảo Ngọc	2014	35	
197.	0794B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Quang Phúc	2012	25	
198.	1403B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Hoàng Cát Tiên	2012	25	
199.	1406B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đào Ngọc Thiện	2013	25	
200.	1484B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Phan Đức Khiêm	2011	20	
201.	0883B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Hoàng Long	2014	10	
202.	1412B026	Miền Trung	Gia Lai	Lê Hà Tấn Đạt	2014	10	
203.	1140B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Bùi Duy Mạnh	2011	7.5	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
204.	0427B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Minh Quân	2014	5	
205.	1155B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Chí Vinh	2013	5	
206.	0819B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Kỳ Nam Hưng	2013	0	
206.	0882B026	Miền Trung	Nghệ An	Bùi Thái Sang	2012	0	
206.	0945B026	Miền Trung	Nghệ An	Võ Đình Tùng	2013	0	
206.	0946B026	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Xuân Trung	2013	0	
206.	0969B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Tất Lộc	2013	0	
206.	1028B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Ngọc Minh Châu	2014	0	
206.	1059B026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Ngọc Minh Quân	2013	0	
206.	1137B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Doãn Hoàng Anh	2013	0	
206.	1175B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Trương Minh Bảo	2014	0	
206.	1185B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Khang	2012	0	
206.	1194B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Duy Anh	2011	0	
206.	1204B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Hoàng Ngọc Chiến	2014	0	
206.	1217B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồng Bách	2012	0	
206.	1219B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Hoàng Quân Nguyễn	2012	0	
206.	1263B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hồng Thiên	2014	0	
206.	1271B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Ngọc Khang	2013	0	
206.	1335B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đào Ngọc Trung	2014	0	
206.	1387B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nhật Huy	2012	0	
206.	1392B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Lê Hoàng	2014	0 (Sau phúc khảo)	
206.	1395B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Tiến Dũng	2013	0	
206.	1497B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Minh Khôi	2012	0	
206.	1549B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Trịnh Thế Anh	2014	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
206.	1575B026	Miền Trung	Huế	Phan Bảo Sơn	2014	0	
206.	1577B026	Miền Trung	Huế	Nguyễn Hoàng Bồi Minh	2014	0	
206.	1584B026	Miền Trung	Huế	Nguyễn Mạnh Hưng	2014	0	
206.	1592B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phú	2013	0	
206.	1595B026	Miền Trung	Huế	Ngel Trần Puthysak	2014	0	
206.	0908B026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Thành Đạt	2013	0	
206.	0910B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hoàng Minh	2012	0 (Sau phúc khảo)	
206.	1008B026	Miền Trung	Gia Lai	Trần Mỹ Hà Phương	2012	0	
206.	1017B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Ngô Kỳ Nguyên	2011	0	
206.	1039B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Thái Bảo	2013	0	
206.	1105B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khắc Trung Hiếu	2013	0 (Sau phúc khảo)	
206.	1142B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lê Minh Nhân	2012	0	
206.	1347B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Võ Đăng Dương	2012	0	
206.	1401B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Cao Tổng Kiệt	2013	0	
206.	1614B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Viết Sơn	2011	0	
206.	1674B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Hà Hữu Minh Khôi	2014	0	
206.	1688B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Nhật Quang Vũ	2014	0	

Danh sách gồm 244 thí sinh./.

II.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	1061B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Quân	2012	212.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	1255B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Huỳnh Minh Nhân	2015	197.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	1019B026	Miền Nam	An Giang	Văn Công Khánh Huy	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	1273B026	Miền Nam	Đồng Nai	Phay Võ Nhật Anh	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	1363B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Gia Bảo	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0757B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Bùi Nguyễn Phúc Khang	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	1038B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hà Hoàng Hải	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0966B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Phạm Nguyễn Toàn	2011	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	1190B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đoàn Trần Vĩnh Khang	2012	167.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	1585B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Bùi Quang Minh	2014	165 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0835B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Long	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	1353B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Huỳnh Nhật Quang	2011	162.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	1594B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Hoàng Nam	2015	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	1229B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm An Khang	2013	157.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0308B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Đình Hoàng Nhật	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	1527B026	Miền Nam	Tây Ninh	Đình Trần Duy Phúc	2012	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	1437B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Đặng Lê Tuấn Anh	2012	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	0860B026	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Tổng Minh Khang	2013	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	1376B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lục Nhất Thịnh	2011	132.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	1667B026	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Hiếu Lễ	2011	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	1514B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Phúc	2013	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	1551B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Đăng Khôi	2014	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	1440B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Lê Khang	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	1372B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Huy	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	1531B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Lê Hoàng Hiếu	2012	112.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	1332B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phan Hải Bình	2014	112.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	0864B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Nhật Tân	2012	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	0826B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trí Dũng	2014	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	0912B026	Miền Nam	An Giang	Vũ Thành Long	2014	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	0874B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tất Danh	2012	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	1074B026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Đức Phát	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	1231B026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Gia Vinh	2014	97.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	1581B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Cao Gia Bảo	2014	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	0839B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Trường Long	2012	92.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	1397B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tâm Từ	2013	92.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	1579B026	Miền Nam	Cà Mau	Võ Hoàng Khang	2013	92.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	1507B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Minh Thuận	2013	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	1422B026	Miền Nam	An Giang	Lê Quốc Hào	2012	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	1687B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Chí Anh	2012	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	0991B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trí Vương	2012	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	1336B026	Miền Nam	Cần Thơ	Thanh Phúc Nguyễn	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	1471B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Trần Bảo Nam	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	0870B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phúc Minh Nguyễn	2014	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	0812B026	Miền Nam	Đồng Nai	Hoàng Bảo Minh	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	1107B026	Miền Nam	Đồng Nai	Võ Vĩnh Nguyên	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	1574B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	0859B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hách Trung Kiên	2011	82.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	1076B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Phạm Quốc Thiên	2012	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	1553B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyenchiphong	2012	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	0618B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Khải	2014	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	1546B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Long	2013	77.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	1246B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hứa Gia Bảo	2014	75	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
53.	1539B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Dũng	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	0901B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hương Giang	2011	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	0848B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tăng Minh Tâm	2013	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	1517B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Bách	2013	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	1548B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Minh Hiếu	2013	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	0866B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hoàng Nguyên	2012	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	1321B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm An Phú	2013	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	0929B026	Miền Nam	An Giang	Huỳnh Phạm Thùy Lam	2011	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	0830B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đoàn Quang Tuấn	2013	60 (Thời gian: 00:42:10)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	1343B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Gia Khang	2013	60 (Thời gian: 01:01:34)	
63.	1181B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Lê Minh Dương	2011	60	
64.	1525B026	Miền Nam	Tây Ninh	Võ Đức Thuận	2011	60	
65.	0957B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Võ Minh Tuấn	2012	60	
66.	1488B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Khánh Toàn	2013	60	
67.	1561B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tiến Đạt	2014	57.5	
68.	1598B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2014	57.5	
69.	1690B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cáp Hoàng Dũng	2013	57.5	
70.	1358B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Phúc Thịnh	2011	57.5	
71.	1242B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Lưu Đặng Gia Hân	2012	55	
72.	1365B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Anh Kiệt	2014	55	
73.	0832B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Trương Thái San	2013	55	
74.	1414B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Công Khoa	2014	55	
75.	1639B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Khải	2014	55	
76.	1138B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Quân	2011	55	
77.	1460B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	2011	55	
78.	0974B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hà Duyên Hải Minh	2013	52.5	
79.	1631B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Châu Đại Việt	2013	52.5	
80.	1663B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Hải Long	2013	50	
81.	1073B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Từ Xuân Tú	2011	50	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
82.	0918B026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Khôi Nguyên	2013	47.5	
83.	0797B026	Miền Nam	Tây Ninh	Đặng Ngọc Kim Ngân	2012	45	
84.	1552B026	Miền Nam	An Giang	Lê Kim Nhật Nguyên	2013	45	
85.	1119B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Quang Huy	2012	45	
86.	0791B026	Miền Nam	Đồng Nai	Trương Tấn Sang	2014	45 (Sau phúc khảo)	
87.	1477B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Quân	2012	45	
88.	1177B026	Miền Nam	Đồng Nai	Đoàn Minh Khôi	2013	45	
89.	0673B026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Phi Hùng	2014	45	
90.	1405B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Diệp Bảo Khang	2012	45	
91.	0780B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Minh	2012	45	
92.	1268B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Bùi Nguyễn Nhật Đông	2011	45	
93.	0858B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Bảo Phúc	2014	40	
94.	1238B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vutri Nam	2013	40	
95.	1409B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Thành Long Vĩ	2012	40	
96.	1545B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Danh	2013	35	
97.	1593B026	Miền Nam	Tây Ninh	Trần Thiên Văn	2012	35	
98.	1361B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Ngọc Hiệu	2011	35	
99.	1179B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Quốc Huy	2011	30	
100.	0965B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Thành Đạt	2012	25	
101.	1153B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Huy Phú	2012	25	
102.	1344B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Gia Minh	2013	22.5	
103.	0978B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Doan Dinh Long	2014	20	
104.	1659B026	Miền Nam	An Giang	Phan Thị Ngọc Hân	2011	20	
105.	0964B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Anh Kiệt	2014	17.5	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
106.	1571B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn An Việt	2012	15	
107.	0996B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Nguyễn Hữu Nhân	2014	15	
108.	0884B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Lê Phúc Thịnh	2011	15	
109.	1367B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyên Đăng Khoa	2012	12.5	
110.	1202B026	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Đăng Khoa	2014	10	
111.	1319B026	Miền Nam	An Giang	Phan Tuấn Minh	2012	10	
112.	0896B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Nhật Vương	2012	10	
113.	1187B026	Miền Nam	An Giang	Đặng Tô Thái Minh	2012	10	
114.	1333B026	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Trường An	2012	10	
115.	1526B026	Miền Nam	Tây Ninh	Võ Đức Hưng	2011	10	
116.	1423B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Lê Thảo An	2012	7.5	
117.	1065B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Trần Trần Quốc	2011	5	
118.	1515B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trần Hoàng Nam	2015	5	
119.	1646B026	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Tiêu Minh Khang	2012	5	
120.	0449B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Tấn Hùng Minh	2014	0	
120.	0777B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Hoàng Việt	2013	0	
120.	0787B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Quân Nguyễn	2013	0	
120.	0828B026	Miền Nam	An Giang	Đặng Khánh Quỳnh	2013	0	
120.	0921B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hiến Long	2013	0	
120.	0944B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Chí Bình	2010	0	
120.	0955B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thuyết Doãn	2012	0 (Sau phúc khảo)	
120.	0973B026	Miền Nam	Cần Thơ	Hà Lê Uy	2014	0	
120.	1011B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Kiến Văn	2013	0	
120.	1036B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Vỹ	2012	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
120.	1098B026	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Khắc Đăng Di	2012	0	
120.	1099B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Phan Khang	2013	0	
120.	1157B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Nam	2013	0	
120.	1182B026	Miền Nam	An Giang	Dương Gia Hưng	2013	0	
120.	1183B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Đăng Gia Nghĩa	2012	0	
120.	1274B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Khánh	2013	0 (Sau phúc khảo)	
120.	1285B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Huỳnh Lê Tường An	2014	0	
120.	1288B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Đông Phong	2011	0	
120.	1295B026	Miền Nam	An Giang	Lê Minh Triết	2011	0	
120.	1390B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Linh Nga	2013	0	
120.	1408B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Chí Bảo	2013	0	
120.	1421B026	Miền Nam	Tây Ninh	Lê Đăng Minh Ngọc	2013	0	
120.	1462B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoài Khôi Nguyên	2013	0	
120.	1468B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Quang Khôi An	2014	0	
120.	1540B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Gia Huy	2014	0	
120.	1292B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thang Vĩnh Phong	2012	0	
120.	1330B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Mỹ Linh	2014	0 (Sau phúc khảo)	
120.	1596B026	Miền Nam	An Giang	Phan Hoàng Long	2011	0	

Danh sách gồm 147 thí sinh./.

III. BẢNG C1: LẬP TRÌNH KHỎI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

III.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0156C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Anh	2009	273,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Lê Hà	2009		
2	0004C126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Khánh Minh	2009	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Minh Trí	2009		
3	0129C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đình Gia Bảo	2010	161	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Đức Kiên	2010		
4	0124C126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Thu Hà	2010	159	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Ngọc Minh	2008		
5	0151C126	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Xuân Huy	2010	152	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Minh Quang	2000		
6	0093C126	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Phan Anh	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Nhật Tùng	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
7	0069C126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Anh	2010	144	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phùng Mạnh Khanh	2010		
8	0149C126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Trọng Khánh	2009	142,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Duy Quân	2009		
9	0111C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Thanh Tùng	2010	134	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Thành Đạt	2010		
10	0068C126	Miền Bắc	Sơn La	Nguyễn Đức Thành	2009	134	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Ngọc Hải	2009		
11	0048C126	Miền Bắc	Ninh Bình	Nguyễn Xuân Thiên	2009	126,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bùi Đức Quang	2009		
12	0114C126	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Minh Trang	2010	124	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đăng Tùng Lâm	2008		
13	0047C126	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Hà Chí Cường	2010	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vũ Gia Huy	2008		
14	0072C126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Khánh Nguyên	2009	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vũ Tiến Minh	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
15	0132C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hà Bảo Lâm	2010	112,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hồ Thanh Phong	2010		
16	0076C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Huy	2010	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Đăng Khang	2010		
17	0094C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Giang Nam	2009	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Việt Anh	2009		
18	0055C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Đỗ Hoàng Anh	2009	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Vũ Kim Ngân	2009		
19	0145C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khắc Hoàng Quân	2009	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Trung Hiếu	2009		
20	0088C126	Miền Bắc	Ninh Bình	Trần Hà Khải	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0107C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Mai Xuân Bình	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Tạ Đình Nguyên	2010		
22	0167C126	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Duy Khoa	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đoàn Nhật Phước	2010		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
23	0013C126	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Xuân Thủy	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Văn Tuấn Anh	2010		
24	0073C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Quý Đức	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25	0024C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Bá Vinh Tăng	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Ngọc Sơn	2010		
26	0127C126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Khanh	2008	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đỗ Phúc An Nguyễn	2008		
27	0141C126	Miền Bắc	Hà Nội	Phí Ngọc Bình	2010	97,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hồ Đức Minh	2010		
28	0097C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Đình Trọng Minh	2010	97,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Minh Hoàng	2010		
29	0066C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Quyền Tiến	2010	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Lâm Nguyễn	2010		
30	0162C126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Huy	2010	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0043C126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Minh Duy	2010	94	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đình Đức Hiệp	2010		
32	0020C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Giang	2000	92,5	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
				Nguyễn Phú Hải	2010		Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33	0106C126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Lê Minh	2010	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Duy Bách	2010		
34	0102C126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nhật Long	2010	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Tạ Hữu Dương	2010		
35	0051C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Nhật Nam	2009	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0165C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Lâm	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Tuấn Lâm	2010		
37	0023C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Trương Thành Đồng	2009	79	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Công Đạt	2009		
38	0095C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Minh	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hà Đức Trí	2010		
39	0109C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Hưng	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Việt Trọng	2010		
40	0070C126	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Danh Bảo	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Chí Bình	2010		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0033C126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hà Thế Dũng	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Xuân Lâm	2010		
42	0012C126	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Quang Hưng	2000	72,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Cao Tuấn Minh	2000		
43	0122C126	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Tuấn Hải	2009	72,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Sỹ Toàn	2009		
44	0031C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Gia Huy	2010	72,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đoàn Quang Bách	2010		
45	0021C126	Miền Bắc	Hà Nội	Thống Phùng Quốc	2010	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0052C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Minh Sơn	2010	57,5	
47	0065C126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đình Hoàng Quân	2010	55	
				Kiều Chí Cương	2010		
48	0016C126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Văn Hiệp	2010	52,5	
49	0101C126	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Tuấn Anh	2010	42,5	
				Đình Quỳnh Châu	2010		
50	0092C126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lê Hải Long	2010	35	
				Vũ Minh Đức	2010		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
51	0130C126	Miền Bắc	Hà Nội	Kiều Thiên An	2010	32,5	
				Đỗ Phương Nga	2010		
52	0163C126	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Duy Vũ	2010	0	
52	0150C126	Miền Bắc	Hà Nội	Uông Nhật Phong	2010	0	
				Trần Nguyễn Đức Tuấn	2010		
52	0136C126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Huy	2010	0	
52	0115C126	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Quý Lâm	2010	0	
				Nguyễn Ngọc Vinh	2010		
52	0054C126	Miền Bắc	Hà Nội	Võ Anh Quân	2009	0	

Danh sách gồm 56 đội thi./.

III.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0116C126	Miền Trung	Đắk Lắk	Trần Đại Hào	2008	172,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Nhật Anh	2009		
2.	0049C126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Thị Phương Hoài	2009	150,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Lê Huy Hoàng	2009		
3.	0050C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Huy	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Văn Gia Bảo	2009		
4.	0001C126	Miền Trung	Lâm Đồng	Đặng Huy Hậu	2009	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Dương	2008		
5.	0018C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Xuân Minh Khôi	2009	136	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0140C126	Miền Trung	Quảng Trị	Lê Đình Quân	2010	134	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Vũ Nhật Minh	2010		
7.	0153C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Vũ	2009	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Thủy Ngọc Quốc	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
8.	0009C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Trọng Khoa	2009	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Thế Thành Long	2009		
9.	0029C126	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quốc Gia Hiếu	2010	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Kim Gia Bảo	2009		
10.	0090C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Phi Hùng	2010	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Duy Tân	2009		
11.	0160C126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Công Minh	2010	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Nhật Quang	2010		
12.	0044C126	Miền Trung	Nghệ An	Đậu Đăng Khôi	2010	112,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đại Quốc	2010		
13.	0099C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Thành Nam	2010	109	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Dương Đình Đức Hoàng	2010		
14.	0098C126	Miền Trung	Lâm Đồng	Huỳnh Ngọc Phú Quý	2010	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Mai Hữu Đăng Khôi	2000		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
15.	0084C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Nam	2009	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Quốc Siêu	2010		
16.	0161C126	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Quốc Bảo	2010	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Thái Sơn	2010		
17.	0119C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Trần Vũ Phong	2010	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Hà Huy Linh	2010		
18.	0026C126	Miền Trung	Lâm Đồng	Đỗ Lâm Minh Nhật	2010	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Doãn Ý	2010		
19.	0158C126	Miền Trung	Nghệ An	Phan Anh Khang	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Công Minh	2010		
20.	0071C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Kỳ Vũ	2009	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hồ Tiên Minh	2009		
21.	0121C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyen Minh Khang	2010	96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Hải Quế Sơn	2010		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
22.	0080C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Thiện Khôi	2008	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phùng Tấn Đại Dương	2009		
23.	0037C126	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Trung Hiếu	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trịnh Hoàng Thiện Danh	2010		
24.	0120C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Ngô Minh Hưng	2010	79	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Trịnh Anh Tiến	2010		
25.	0075C126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Toàn	2010	77,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0077C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Ngọc Tuấn Anh	2009	77,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trịnh Lê Gia Hiếu	2009		
27.	0002C126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Sỹ Đức Trí	2009	77,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	0104C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Phúc	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Nguyễn Minh Hiếu	2010		
29.	0159C126	Miền Trung	Nghệ An	Trương Công Thành	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Xuân Trung Cường	2010		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
30.	0166C126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Lê Minh Sơn	2009	74	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Hữu Chương	2009		
31.	0008C126	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Quốc Khánh	2009	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	0164C126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Bá Vân Trường	2000	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	0040C126	Miền Trung	Quảng Ngãi	Phạm Tường Anh	2009	67,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Trí Dũng	2009		
34.	0110C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Ngô Đăng Minh	2010	64	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Đức Anh	2010		
35.	0053C126	Miền Trung	Quảng Trị	Trần Việt Hưng	2008	35	
				Phan Thanh Đạt	2008		
36.	0128C126	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Thành Vinh	2010	0	
				Nguyễn Khắc Huy	2010		

Danh sách gồm 36 đội thi./.

III.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0017C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Nguyễn Khánh Minh	2010	234	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Tôn Thất Bảo Đạt	2010		
2.	0089C126	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Phước Hiếu	2010	181	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0105C126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Chí Khang	2008	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Gia Bảo	2009		
4.	0058C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Thiên Phúc	2008	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Thị Thùy Tiên	2009		
5.	0011C126	Miền Nam	Đồng Nai	Bùi Nguyên Phúc	2008	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lưu Thành Long	2008		
6.	0074C126	Miền Nam	Tây Ninh	Trần Hà Phương Anh	2009	112,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Đỗ Như Quỳnh	2009		
7.	0139C126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Việt Tường	2008	107,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Tăng Lâm Vân Long	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn																																																						
8.	0014C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hoàng Quân	2010	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Trần Công Quốc Khang	2010			9.	0067C126	Miền Nam	An Giang	Lư Minh Hiếu	2009	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Nguyễn Việt An	2009	10.	0112C126	Miền Nam	An Giang	Trần Lê Minh Đức	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Ngô Nguyễn Minh Đăng	2010	11.	0022C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Văn Đức Anh	2008	96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Quang Huy	2009	12.	0096C126	Miền Nam	An Giang	Võ Minh Quốc	2009	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Lê Công Vinh	2009	13.	0118C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Trung Nghĩa	2010	87,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Hoàng Gia Khiêm	2010	14.	0157C126	Miền Nam	An Giang
9.	0067C126	Miền Nam	An Giang	Lư Minh Hiếu	2009	102,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Nguyễn Việt An	2009			10.	0112C126	Miền Nam	An Giang	Trần Lê Minh Đức	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Ngô Nguyễn Minh Đăng	2010	11.	0022C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Văn Đức Anh	2008	96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Quang Huy	2009	12.	0096C126	Miền Nam	An Giang	Võ Minh Quốc	2009	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Lê Công Vinh	2009	13.	0118C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Trung Nghĩa	2010	87,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Hoàng Gia Khiêm	2010	14.	0157C126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	82	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Nhật Quang	2009				
10.	0112C126	Miền Nam	An Giang	Trần Lê Minh Đức	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Ngô Nguyễn Minh Đăng	2010			11.	0022C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Văn Đức Anh	2008	96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Quang Huy	2009	12.	0096C126	Miền Nam	An Giang	Võ Minh Quốc	2009	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Lê Công Vinh	2009	13.	0118C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Trung Nghĩa	2010	87,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Hoàng Gia Khiêm	2010	14.	0157C126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	82	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Nhật Quang	2009														
11.	0022C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Văn Đức Anh	2008	96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Phạm Quang Huy	2009			12.	0096C126	Miền Nam	An Giang	Võ Minh Quốc	2009	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Lê Công Vinh	2009	13.	0118C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Trung Nghĩa	2010	87,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Hoàng Gia Khiêm	2010	14.	0157C126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	82	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Nhật Quang	2009																								
12.	0096C126	Miền Nam	An Giang	Võ Minh Quốc	2009	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Lê Công Vinh	2009			13.	0118C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Trung Nghĩa	2010	87,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Hoàng Gia Khiêm	2010	14.	0157C126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	82	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Nhật Quang	2009																																		
13.	0118C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Trung Nghĩa	2010	87,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Phạm Hoàng Gia Khiêm	2010			14.	0157C126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	82	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực	Phạm Nhật Quang	2009																																												
14.	0157C126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	82	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực																																																						
				Phạm Nhật Quang	2009																																																								

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
15.	0039C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Mai Anh Đức	2010	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn An Dương	2010		
16.	0019C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Trung Kiên	2009	67,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0137C126	Miền Nam	An Giang	Châu Tiến Đạt	2010	62,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Chí Hiếu Thuận	2010		
18.	0126C126	Miền Nam	An Giang	Văn Tánh Phùng	2009	55	
				Trang Sĩ Trọng	2010		
19.	0027C126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Minh Long	2010	40	
				Nguyễn Hoàng Thắng	2010		
20.	0091C126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trọng Khang	2010	30	
21.	0113C126	Miền Nam	Cần Thơ	Trương Nam Nguyên	2008	20	
				Phạm Lê Song Thư	2009		
22.	0146C126	Miền Nam	An Giang	Lê Nguyễn Huy Chương	2010	0	
				Nguyễn Thành Đạt	2010		
22.	0086C126	Miền Nam	Tây Ninh	Lê Thanh Thanh	2010	0	
				Lê Phạm Minh Vũ	2010		

Danh sách gồm 23 đội thi./.

IV. BẢNG C2: LẬP TRÌNH KHỎI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG CHUYÊN

IV.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0215C226	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Trí Kiên	2009	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0219C226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Trung	2009	305	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0152C226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Minh Tiệp	2010	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0244C226	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Văn Mạnh	2009	295	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0039C226	Miền Bắc	Ninh Bình	Bùi Vũ Phong	2010	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0235C226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nông Đỗ Huy Anh	2009	277.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0134C226	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Gia Bảo	2011	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0218C226	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Thịnh Cường	2009	222.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	0157C226	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Gia Huy	2011	207.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0005C226	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Minh Trí	2009	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
11.	0154C226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Đào Đức An	2009	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0229C226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Thái Dương	2009	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	0224C226	Miền Bắc	Thanh Hóa	Nguyễn Phú Liêm	2009	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0121C226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Tạ Văn Ninh	2008	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0070C226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Bảo Châu	2010	145 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0172C226	Miền Bắc	Sơn La	Đào Thế Vinh	2009	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0246C226	Miền Bắc	Sơn La	Nguyễn Trí Kỳ	2010	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	0011C226	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Duy Phong	2010	132.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0258C226	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Anh	2008	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0217C226	Miền Bắc	Cao Bằng	Chu Tuấn An	2010	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0277C226	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Bùi Minh Tùng	2009	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	0131C226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hà	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
23.	0138C226	Miền Bắc	Thái Nguyên	Vũ Bá Thành	2009	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	0230C226	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Anh	2009	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	0206C226	Miền Bắc	Ninh Bình	Nguyễn Tùng Lâm	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0236C226	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Hoàng Kỳ Anh	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	0184C226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Tân Thanh	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	0261C226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Mạc Đăng Quang	2009	75	
29.	0105C226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bùi Gia Huy	2010	75	
30.	0136C226	Miền Bắc	Hưng Yên	Đỗ Thế Gia Hiên	2009	75	
31.	0132C226	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Samy	2010	75	
32.	0013C226	Miền Bắc	Phú Thọ	Lê Phong Nam	2009	75	
33.	0111C226	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Minh Quang	2010	70	
34.	0113C226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Đăng	2009	65	
35.	0253C226	Miền Bắc	Hà Nội	Duong Nhatminh	2009	60	
36.	0083C226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Linh Mạnh	2010	55	
37.	0142C226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Trung	2010	55	
38.	0254C226	Miền Bắc	Tuyên Quang	Nguyễn Đức Tình	2009	55	
39.	0143C226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Thành Phan	2010	50	
40.	0147C226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thanh Tuệ	2010	45	
41.	0255C226	Miền Bắc	Tuyên Quang	Nguyễn Tuấn Phương Nam	2009	45	
42.	0231C226	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Tuấn Khải	2010	45	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
43.	0213C226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bảo Nam	2009	45	
44.	0004C226	Miền Bắc	Thái Nguyên	Nguyễn Vũ Huy Hoàng	2009	35	
45.	0182C226	Miền Bắc	Hưng Yên	Hoàng Việt Lâm	2010	15	
46.	0023C226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hoàng Bách	2010	10	
47.	0139C226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Mạnh Quân	2010	10	
48.	0256C226	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Gia Bảo	2010	2.5	
49.	0117C226	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Trọng Nhật Minh	2010	0 (Sau phúc khảo)	
49.	0181C226	Miền Bắc	Hà Nội	Phí Ngọc Minh Sang	2010	0	
49.	0193C226	Miền Bắc	Hải Phòng	Long Hoàng Thăng	2009	0	
49.	0270C226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Bảo Anh	2009	0	

Danh sách gồm 52 thí sinh./.

IV.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0160C226	Miền Trung	Đắk Lắk	Đặng Kỳ Anh	2009	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0199C226	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Hoàng Long	2009	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0196C226	Miền Trung	Gia Lai	Đặng Hiếu Nghĩa	2010	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0201C226	Miền Trung	Gia Lai	Trần Quốc An	2010	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0214C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Ngọc Minh	2008	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0203C226	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Văn Long	2010	202.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0110C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Anh Khoa	2009	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0146C226	Miền Trung	Nghệ An	Lê Xuân Quý	2009	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	0202C226	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Duy Đạt	2010	197.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0197C226	Miền Trung	Gia Lai	Hồ Hoàng Long	2009	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0072C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hoàng Kiên	2009	187.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0241C226	Miền Trung	Thanh Hóa	Đỗ Tất Thiện	2010	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	0195C226	Miền Trung	Gia Lai	Trần Bá Trọng	2010	172.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0257C226	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Đăng Nhật Anh	2010	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0170C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Hoàng	2010	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0145C226	Miền Trung	Nghệ An	Lương Xuân Thắng	2009	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0135C226	Miền Trung	Quảng Ngãi	Đoàn Nhân Thịnh	2009	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	0133C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Quân	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0284C226	Miền Trung	Gia Lai	Lê Đức Trọng	2009	147.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0068C226	Miền Trung	Lâm Đồng	Trịnh Hữu Thịnh	2010	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0106C226	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đăng Khoa	2009	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	0220C226	Miền Trung	Đắk Lắk	Hoàng Bảo Long	2009	107.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0149C226	Miền Trung	Đắk Lắk	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	0027C226	Miền Trung	Gia Lai	Dương Công Nhật Minh	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	0030C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Trung Bảo	2009	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0046C226	Miền Trung	Quảng Ngãi	Dương Anh Quân	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	0267C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thái Hiền	2009	60	
28.	0056C226	Miền Trung	Đắk Lắk	Vũ Gia Huy	2009	60	
29.	0198C226	Miền Trung	Gia Lai	Hồ Hoàng Long	2009	50	
30.	0156C226	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Lưu Danh	2010	25	
31.	0194C226	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Bảo Long	2010	15	
32.	0071C226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Gia Hân	2009	5	
33.	0019C226	Miền Trung	Huế	Nguyễn Đăng Bảo	2009	0	
33.	0178C226	Miền Trung	Nghệ An	Lê Sĩ Cơ	2010	0	
33.	0204C226	Miền Trung	Gia Lai	Trương Trọng Hoàng	2009	0	

Danh sách gồm 35 thí sinh./.

IV.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0128C226	Miền Nam	Đồng Tháp	Lữ Hoài Thương	2014	292.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0002C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Gia Huy	2010	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0177C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Châu	2010	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0180C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Huy Tuấn	2010	187.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0168C226	Miền Nam	Cà Mau	Mai Đình Tiến	2010	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0026C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hưng Thịnh	2009	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0200C226	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Kiến Hào	2008	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0053C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Kim Khoa	2010	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	0008C226	Miền Nam	Cần Thơ	Lưu Chí Hiếu	2009	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0119C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Lê Phương An	2010	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0273C226	Miền Nam	Đồng Nai	Đình Viết Thành Danh	2009	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0252C226	Miền Nam	Tây Ninh	Lê Minh Hiếu	2010	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	0161C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Duy Khang	2010	137.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0034C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Dương Thiện	2010	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0089C226	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Thị Ái Vy	2009	122.5 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0059C226	Miền Nam	An Giang	Trịnh Hoàng Long	2010	117.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0207C226	Miền Nam	Cà Mau	Lê Phạm Bảo Duy	2009	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	0120C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hoài Nam	2000	97.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0189C226	Miền Nam	Đồng Nai	Trần Đức Nguyễn	2010	92.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0164C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Văn Quang Minh	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0243C226	Miền Nam	An Giang	Võ Việt Khánh	2009	70	
22.	0020C226	Miền Nam	Đồng Nai	Trần Đức Chính	2010	70	
23.	0040C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Mạnh Phúc	2009	70	
24.	0233C226	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Tấn Lộc	2009	62.5	
25.	0032C226	Miền Nam	An Giang	Võ Hoàng Nhân	2009	60	
26.	0090C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Danh Nghĩa	2009	52.5	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27.	0047C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hùng Phú	2010	12.5	
28.	0264C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Huỳnh Xuân Phúc	2010	10	
29.	0232C226	Miền Nam	Cần Thơ	Đàm Duy Lâm	2010	5	
30.	0033C226	Miền Nam	Đồng Nai	Triệu Nguyên Cương	2010	0	
30.	0073C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nam Thông	2010	0	
30.	0155C226	Miền Nam	Đồng Nai	Phạm Lưu Thái Sơn	2010	0	
30.	0266C226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Quang Hưng	2010	0	

Danh sách gồm 33 thí sinh./.

V. BẢNG D1: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TIỂU HỌC**V.1. KHU VỰC MIỀN BẮC**

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0283D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Thái Anh	2015	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0463D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Bá Nam	2015	81,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vũ Phúc Tuệ Hải	2015		
3	0242D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khôi	2016	76,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0464D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Gia Phúc	2015	66,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Phúc Minh Thành	2015		
4	0328D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Bảo An	2015	66,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0469D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thế Quang	2015	59	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Xuân Phúc	2017		
6	0332D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Minh Khải	2015	59	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Khánh Toàn	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
6	0268D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đông Nguyễn Tuấn Anh	2017	59	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đào Minh Hải	2015		
9	0378D126	Miền Bắc	Ninh Bình	Trần Như Minh Nghĩa	2016	53	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đào Quang Huy	2016		
10	0405D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trần Minh Đạt	2015	50,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lưu Bảo An	2015		
11	0470D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0390D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Diệp Anh	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Thanh Khiêm	2015		
13	0460D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Trọng Hiếu	2015	42,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đỗ Hương Ly	2015		
13	0458D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Lê Tiến Thành	2015	42,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0299D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lương Đức Anh	2015	42,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Kim Thu	2016		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
16	0254D126	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Hữu Bảo	2016	41,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0497D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đăng Khang	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0236D126	Miền Bắc	Hà Nội	Đoàn Gia Huy	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0397D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Gia Huy	2015	30,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0300D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Trung Quân	2015	28	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đỗ Đăng Khoa	2016		
21	0442D126	Miền Bắc	Tuyên Quang	Dương Thanh Phong	2015	27,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0393D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đăng Khoa	2015	27,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0321D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Công Vinh	2017	27,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0307D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Đức Trung	2016	27,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25	0290D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Bảo Minh	2017	26,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0238D126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Hải Phong	2017	25,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27	0392D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Lương Bảo Hân	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Gia Bảo	2015		
27	0331D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đặng Việt Hà	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Gia Tuệ Minh	2015		
27	0284D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hoàng Minh Sơn	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Tiến Đạt	2016		
27	0282D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đình Nguyễn Việt Trà	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Anh Khôi	2015		
31	0414D126	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Đức Minh	2015	24	
31	0304D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hải Phong	2016	24	
				Phạm Gia Bảo	2016		
33	0368D126	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Huy	2016	22,5	
33	0358D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Thanh Lâm	2015	22,5	
				Nguyễn Thanh Sơn	2015		
33	0239D126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hải Minh	2015	22,5 (Sau phúc khảo)	
36	0244D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Mạnh Hải Đăng	2017	21,5 (Sau phúc khảo)	
37	0377D126	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Minh Quân	2016	20	
				Trần Khắc Duy	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37	0273D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phùng Thế Kiên	2015	20	
				Nguyễn Thái Bảo	2015		
37	0258D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Lâm	2015	20	
40	0478D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Tú Anh	2016	19	
				Phạm Tùng Dương	2016		
40	0248D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2015	19	
42	0391D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đắc Hải Đăng	2016	17,5	
42	0327D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Huy	2016	17,5	
42	0322D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Võ Quốc Bảo	2015	17,5	
				Phạm Trần Đăng Khánh	2015		
42	0314D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Gia Huy	2015	17,5	
46	0428D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đoàn Gia Bảo	2016	15	
46	0373D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Đức Long	2015	15	
46	0333D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Ngọc Tuấn	2000	15	
				Phạm Ngọc Tú	2000		
46	0302D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Nam	2016	15	
46	0275D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Duy Khang	2016	15 (Sau phúc khảo)	
51	0263D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Vượng	2016	14	
52	0362D126	Miền Bắc	Phú Thọ	Bùi Hoàng Phúc	2016	12,5	
52	0337D126	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Đăng Khôi	2015	12,5	
54	0303D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Hải Phong	2016	10	
55	0311D126	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Hồng Đăng	2018	9	
56	0425D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Bảo	2015	8,5	
57	0492D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Nam Cường	2015	7,5	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
57	0098D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hy An	2017	7,5	
59	0382D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Nhật Minh	2016	5	
				Nguyễn Minh Khôi	2015		
59	0367D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Minh Thành	2015	5	
61	0398D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hà Nhật Minh	2016	2,5	
61	0340D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Nhật Anh	2017	2,5	
61	0234D126	Miền Bắc	Hà Nội	Đoàn Minh Tuệ	2016	2,5	
64	0502D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Bùi Minh Tuệ	2016	0	
				Hoàng Trí Đức	2016		
64	0493D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Trịnh Đình Phúc	2015	0	
64	0476D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đình Duy Anh	2015	0	
64	0468D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Bá Nam	2015	0	
				Đình Trung Hiếu	2015		
64	0436D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Nguyên Đăng	2014	0	
64	0388D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khôi Nguyên	2016	0	
64	0372D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Phúc Nguyên	2015	0	
64	0359D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Thành Trung	2015	0	
64	0295D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Thế Vinh	2015	0	
64	0269D126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Công Minh	2015	0	

Danh sách gồm 73 đội thi./.

V.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0488D126	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Bảo Châu	2015	92	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Đoàn Nguyễn Ngọc Diệp	2015		
2	0257D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Minh Bảo	2015	74	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0402D126	Miền Trung	Khánh Hòa	Sử Lê Gia Thịnh	2015	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0357D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Đắc Khoa	2015	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Thanh Minh Trí	2015		
5	0344D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Ngọc Đăng Khôi	2015	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0374D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Tiến	2015	64	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Phan Ngọc Uyên	2018		
7	0315D126	Miền Trung	Quảng Trị	Hoàng Gia Khánh	2016	63	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0341D126	Miền Trung	Khánh Hòa	Thái Đình Anh Huy	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9	0271D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Lê Ngọc Diệp	2015	52,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0481D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Châu Khuê	2015	50,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
11	0251D126	Miền Trung	Nghệ An	Lê Lam	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0473D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngô Khải Hy	2016	42,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0370D126	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Hoàng Bách	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0474D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khánh Linh	2015	37,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Quang Huy	2015		
14	0441D126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Thái Bảo	2015	37,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0262D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Nhật Nguyên	2015	37,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0435D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Minh Sang	2016	36,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Võ Minh Triết	2015		
18	0409D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Ngân Khánh	2015	35,5	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Lê Nguyễn Trường An	2015		
19	0490D126	Miền Trung	Gia Lai	Trần Hữu Tú	2014	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0454D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Hưng	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0420D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phùng Minh Phúc	2015	35	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
				Đỗ Minh An	2015		Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0245D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phạm Toàn Thắng	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Thành Hưng	2015		
23	0270D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Huỳnh Đoan Nhi	2016	34	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0452D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Bảo	2015	32,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Mai Phước Nhật Trường	2017		
24	0407D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phương Nhi	2015	32,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0261D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phi Diệp Anh	2015	32,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0472D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Nhật	2016	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0455D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Nam	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0318D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Viết Giang Anh Kiệt	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0259D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Viết Gia Huy	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Hoàng Tuấn Anh	2017		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
31	0459D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Gia Khang	2015	28	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0406D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Gia Tín	2015	28	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Chí Thành	2015		
33	0457D126	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Phan Hoàng Bảo	2014	27,5	
				Lê Quốc Toàn	2015		
33	0438D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vĩnh Kỳ	2015	27,5 (Sau phúc khảo)	
33	0429D126	Miền Trung	Khánh Hòa	Phùng Thế Phong	2015	27,5	
				Mai Đỗ Tùng Nguyên	2016		
33	0379D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	2015	27,5	
				Nguyễn Ngọc An Nhiên	2015		
33	0334D126	Miền Trung	Gia Lai	Lê Võ Anh Khoa	2015	27,5	
33	0308D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nam	2015	27,5	
33	0267D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Bảo	2015	27,5 (Sau phúc khảo)	
				Lê Nguyễn Ngọc Hân	2015		
40	0415D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Nguyễn Tường Vy	2015	27	
41	0440D126	Miền Trung	Nghệ An	Trịnh Xuân Bảo	2015	26,5	
42	0439D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Thị Hạnh	2015	26	
				Võ Hoàng Gia Hưng	2015		
43	0247D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Bảo	2015	25,5	
44	0495D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Anh Cao Đạt	2015	25 (Sau phúc khảo)	
45	0411D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thái Hoàng Quân	2014	25	
				Chế Văn Bảo Hoàng	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
45	0355D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trần Quốc Anh	2016	25	
				Hoàng Đức Minh Khôi	2016		
45	0354D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Dương Hoàng Anh	2015	25	
45	0343D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Khoa	2015	25	
45	0297D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huy Phong	2016	25	
				Nguyễn Đức Nguyên Khang	2016		
45	0294D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Minh Khoa	2015	25	
				Ngô Sỹ Nguyên	2015		
51	0243D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Nguyễn Khánh Chi	2016	23,5	
52	0505D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Bảo Nam	2016	23	
53	0346D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Thiện	2016	22,5	
53	0310D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Vũ Trâm Anh	2017	22,5	
53	0253D126	Miền Trung	Nghệ An	Lương Tuấn Nghĩa	2016	22,5	
56	0433D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trần Đức Thanh	2015	21,5	
				Nguyễn Ngọc Tuấn Hưng	2015		
57	0480D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Anh Minh	2016	20 (Sau phúc khảo)	
				Nguyễn Việt Anh	2015		
57	0394D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Nguyên Khang	2015	20	
57	0352D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	2015	20	
				Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	2015		
57	0278D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tâm Tuệ Nhi	2016	20	
57	0252D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lường Thế Hiền	2016	20	
57	0237D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thị Minh Thi	2015	20	
63	0484D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Phạm Bảo Nguyên	2016	19	
63	0249D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Khởi	2017	19	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
65	0419D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Khai Hung Hoang	2015	17,5	
65	0408D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Trí	2015	17,5	
65	0387D126	Miền Trung	Nghệ An	Trần Tùng Lâm	2016	17,5	
65	0361D126	Miền Trung	Gia Lai	Hàng Nhật Phan	2017	17,5	
65	0353D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Thị Ái My	2017	17,5	
65	0287D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đình Tùng	2015	17,5	
65	0286D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Tô Thanh Hiếu	2015	17,5	
65	0280D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Xuân Ngọc Hồng Phúc	2015	17,5	
65	0053D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Chí Hiếu	2015	17,5	
74	0486D126	Miền Trung	Gia Lai	Hà Nhật Linh	2015	16,5	
				Trần Việt Dũng	2015		
75	0410D126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Văn Bảo Nam	2015	16	
75	0277D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tùng Lâm	2016	16	
77	0503D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Khải Hoàng An	2015	15	
77	0483D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Thế Phúc	2016	15	
77	0443D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Minh Khôi Nguyễn	2015	15 (Sau phúc khảo)	
77	0399D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyên Kiệt	2015	15 (Sau phúc khảo)	
77	0363D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hà Linh	2016	15	
77	0329D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Lâm	2015	15	
77	0266D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nghiêm Lê Minh Khang	2015	15	
84	0281D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	2016	14	
85	0456D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Đạt	2015	12,5	
85	0401D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Hoàng Thiên	2015	12,5	
				Trương Văn Bảo Định	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
85	0381D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	2015	12,5	
				Nguyễn Võ Hào	2015		
88	0380D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Việt Hoàng	2015	11 (Sau phúc khảo)	
89	0400D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình An	2015	10	
90	0235D126	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Hồng Lộc	2016	8,5	
91	0453D126	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Quang Thanh Phong	2018	7,5	
92	0389D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Hoàng Lê Anh Khoa	2015	6,5	
				Lâu Sinh Định	2015		
93	0383D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phú Khải	2015	5	
				Võ Anh Kiệt	2015		
94	0339D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Gia Khang	2015	2,5	
				Huỳnh Hoàng Kim Ngọc	2015		
95	0403D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phúc Khánh	2017	0	
				Nguyễn Đắc Nhân	2017		
95	0364D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguy Băng Lam	2016	0	
95	0324D126	Miền Trung	Quảng Ngãi	Lê Quang An	2016	0	
95	0317D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Quốc Dũng	2015	0	
95	0316D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hà Thế Anh	2015	0	
95	0298D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	0	
95	0293D126	Miền Trung	Gia Lai	Lê Gia Bảo	2015	0	
95	0292D126	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Ngọc Thắng	2015	0 (Sau phúc khảo)	

Danh sách gồm 102 đội thi./.

V.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0326D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nghiêm Tuấn Phong	2015	85	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Ngô Thái Thành An	2015		
2	0434D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Bảo	2016	81,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Trần Nhật Quang	2016		
2	0336D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyên Khang	2015	81,5	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Nguyễn Hải Hoàng	2015		
4	0498D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Tuấn Kiệt	2015	50	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Trương Quang Minh	2015		
4	0325D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Túc	2015	50	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Nguyễn Xuân Thành	2015		
6	0330D126	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Thành Tấn	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Vũ Hưng Phát	2015		
6	0289D126	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Nguyên Đức	2016	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
8	0320D126	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Minh Khang	2015	31,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9	0477D126	Miền Nam	An Giang	Hồng Phú Khang	2016	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0494D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cao Hoàng Mai Ngọc	2015	29,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0450D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Long	2015	27,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Kim Phúc	2015		
11	0250D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Dũng	2015	27,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0506D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Khiêm	2016	25,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0264D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Phúc Bình	2017	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0485D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Hoàng Khang	2015	24,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Hữu Duy	2016		
16	0371D126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Anh Thu	2015	22,5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Khánh An	2015		
17	0385D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Thiện Minh	2016	22	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Quách Minh Trí	2016		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
18	0422D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Thị Bích Trâm	2015	21	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ca Tiến Đỉnh	2015		
19	0417D126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Đăng Khoa	2015	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Quách Gia Phúc	2016		
20	0356D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Quốc Thiên	2016	17,5	
				Trần Anh Minh	2018		
20	0351D126	Miền Nam	An Giang	Diệp Phú Quý	2016	17,5	
				Nguyễn Lê Yến Vy	2017		
20	0350D126	Miền Nam	An Giang	Thị Cát Ngọc	2015	17,5	
				Nguyễn Dương Mộc Thảo	2018		
20	0347D126	Miền Nam	An Giang	Nông Võ Tuyết Nhi	2015	17,5	
				Nguyễn Hoàng Nguyệt Quế	2015		
20	0285D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hải Minh	2015	17,5	
25	0445D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Võ Khánh An	2016	16,5	
				Trần Vĩnh Khôi	2016		
26	0424D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn An Khương	2015	15	
				Trương Tuệ Lâm	2016		
26	0386D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Công Hào	2015	15	
26	0349D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Gia Bảo	2016	15	
				Đình Như Ý	2016		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
29	0491D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Anh	2016	12,5	
29	0449D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Tuấn	2017	12,5 (Sau phúc khảo)	
				Phạm Trọng Quân	2017		
29	0431D126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Bảo Nam	2018	12,5	
29	0384D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Minh Chính	2018	12,5	
29	0348D126	Miền Nam	An Giang	Đỗ Thành Đạt	2017	12,5	
				Lương Thị Bảo Trâm	2017		
34	0447D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Quý	2017	11,5	
				Đào Gia Phúc	2017		
34	0338D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trần Tuấn Anh	2016	11,5	
				Hồ Nguyên Bảo	2016		
36	0448D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Minh Hiếu	2015	10	
				Trần Việt Hùng	2015		
36	0446D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phùng Anh Duy	2016	10	
				Trần Nguyên Sang	2016		
36	0366D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bành Đình Thảo Uyên	2016	10	
				Bành Đình Bảo Long	2016		
36	0305D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Vũ Hoàng Khang	2016	10	
				Vũ Minh Anh	2016		
40	0360D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Thê Sơn	2015	9	
41	0462D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Trần Anh Khôi	2017	7,5	
				Nguyễn Minh Khang	2017		
41	0444D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyên Khôi	2018	7,5	
				Nguyễn Chí Kiên	2018		
41	0437D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hồng Trang My	2015	7,5	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
44	0461D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Võ Gia Huy	2017	5	
				Mai Nam Phong	2017		
44	0369D126	Miền Nam	Đồng Nai	Bùi Tiến An	2015	5	
44	0265D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Hoàng Long	2016	5	
47	0482D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Giang Minh	2017	0	
47	0342D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đăng Khoa	2017	0	
				Phạm Nguyễn Nam Thành	2015		

Danh sách gồm 48 đội thi./.

VI. BẢNG M1: TOÁN TƯ DUY VÀ TƯ DUY THUẬT TOÁN KHỐI TIỂU HỌC**VI.1. KHU VỰC MIỀN BẮC**

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0327M126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Lê Anh Khoa	2017	89.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0308M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Đức Kiên	2015	84.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0248M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Vinh	2015	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0277M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Quách Đỗ Gia Ân	2016	79.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0182M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nguyễn Minh Nhật	2015	68.93	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0193M126	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Hà Ngân	2016	67.14	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0304M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Gia Bảo	2016	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0244M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Minh	2015	64.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9.	0171M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Gia Mạnh Đức	2016	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0251M126	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Hải Nam	2015	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0160M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Bảo Sơn	2017	60 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0174M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Bảo An	2015	57.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	0207M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Hiếu	2016	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0177M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Việt Đại	2016	54.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0196M126	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Huy Anh	2017	53.57	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0276M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phí Anh Minh	2016	47.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0135M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Tuấn Đạt	2015	45.71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
18.	0155M126	Miền Bắc	Hà Nội	Pham Le Minh Dang	2016	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0198M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	2018	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0264M126	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Phúc Minh Khôi	2017	43.21	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0154M126	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Tuệ An	2018	43.04	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	0210M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Bạch Nguyên Khang	2015	41.79	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0183M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Khương Duy	2017	41.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	0253M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khôi	2016	40 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	0172M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Phúc Tuệ Hải	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0169M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khôi Nguyên	2017	39.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27.	0145M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Nhân	2015	36.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	0186M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Phương Chi	2015	35.71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	0158M126	Miền Bắc	Hà Nội	Châu Quốc An	2017	35.06	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	0245M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tuấn	2017	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	0139M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Bảo	2015	32.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	0181M126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phùng Đăng Khôi	2017	31.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	0283M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khánh Chi	2017	28.75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	0136M126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Hải Phong	2017	27.68	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	0140M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Huy	2016	27.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	0173M126	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Quang Thạch	2015	26.96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	0144M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đăng Lâm	2016	22.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	0260M126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Cao Anh Kiệt	2015	21.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	0250M126	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Gia Đức	2016	18.21	
40.	0213M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Duy Khoa	2017	17.5	
41.	0203M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Dương Trường Xuân	2009	15.71	
42.	0188M126	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Mạnh Quang	2017	15	
43.	0309M126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Bảo Minh	2015	12.5 (Sau phúc khảo)	
44.	0141M126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Bảo Sơn	2015	5.71	
45.	0168M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Thảo Chi	2015	0	

Danh sách gồm 45 thí sinh./.

VI.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0259M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Anh	2015	84.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0287M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Thảo Nhi	2015	84.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0265M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Mẫn Nhi Trần Nguyễn	2015	77.86	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0162M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Đình Minh Huy	2015	74.64	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0256M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trần Phúc Hưng	2015	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0299M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thành An	2015	67.92	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0274M126	Miền Trung	Nghệ An	Ngô Hoàng	2015	65.71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0201M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Quốc Huy	2015	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9.	0295M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Tôn Nữ Nhã Viên	2015	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0311M126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Sỹ Đại Phát	2015	63.93	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0296M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lâm Hoài An	2016	62.86	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0233M126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	62.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	0187M126	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Khoa Nam	2015	61.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0318M126	Miền Trung	Nghệ An	Cao Hữu Sang	2015	61.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0273M126	Miền Trung	Nghệ An	Hồ Hồng Quang	2016	61.25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0303M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Công Tiến	2015	61.25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0263M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Vinh	2015	60.83	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
18.	0223M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Công Hoàng Lâm	2016	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0300M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Thành Hưng	2015	57.68	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0164M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Chính Khang	2016	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0219M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Kiên	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	0269M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Khải Hưng	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0143M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Khoa	2015	49.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	0325M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Hoàng Anh Thu	2015	49.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	0216M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Như Ý	2015	47.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0152M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nhật Huy	2015	46.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27.	0288M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hải Đăng	2017	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	0294M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Châu	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	0320M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Đức Duy	2015	44.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	0321M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Gia Phú	2015	41.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	0142M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phước Thắng	2015	40.71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	0313M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Hưng	2015	40.18	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	0218M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Nguyễn Tường Vy	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	0293M126	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Anh Minh	2016	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	0185M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đỗ Minh Anh	2015	39.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	0307M126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đình Thiện Minh	2016	38.93	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	0194M126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Minh Khang	2016	37.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	0208M126	Miền Trung	Gia Lai	Lê Minh Bảo	2015	36.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	0239M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh An	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	0261M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huỳnh Ngọc Gia Bảo	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	0240M126	Miền Trung	Nghệ An	Trần Duy Nhật Nam	2017	31.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	0137M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Viết Gia Huy	2015	31.25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	0252M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lê Bá Phát	2016	31.25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	0204M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Khánh	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
45.	0209M126	Miền Trung	Gia Lai	Hoàng Minh Huy	2000	29.46	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	0206M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đào Nhật Minh	2016	29.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	0267M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nam Nguyên	2015	29.17	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	0305M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hoàng Phúc	2016	28.93	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
49.	0278M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Xuân Ngọc Khuê	2017	28.75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	0279M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Bảo Sơn	2016	27.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	0195M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nam	2015	26.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	0257M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Ngọc Phương Nam	2015	26.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	0199M126	Miền Trung	Lâm Đồng	Trương Thị Bảo Ngân	2015	25.71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
54.	0254M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Ngân Khánh	2015	25.71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	0231M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phương Thảo	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	0243M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đình Phước Linh Đan	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	0192M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyên Anh	2015	22.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	0272M126	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Văn Hiếu	2015	22.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	0289M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Minh Khuê	2015	21.31	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	0205M126	Miền Trung	Lâm Đồng	Đình Phúc Hưng	2015	21.25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61.	0226M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tâm Tuệ Nhi	2016	20 (Sau phúc khảo)	
62.	0249M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phúc Khánh	2017	20	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
63.	0258M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đắc Nhân	2017	19.46	
64.	0281M126	Miền Trung	Khánh Hòa	Mai Đỗ Tùng Nguyên	2016	17.68 (Sau phúc khảo)	
65.	0238M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đại Phúc	2015	17.5	
66.	0232M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Huy	2015	16.25	
67.	0242M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Lê Minh Hy	2016	15.71	
68.	0290M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Cẩm Tú	2015	13.93	
69.	0271M126	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Thị Hải Yến	2015	12.5	
70.	0237M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình Nguyên	2016	0	
70.	0301M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Kông Thanh Tú	2015	0	
70.	0178M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đình Tùng	2015	0	

Danh sách gồm 72 thí sinh./.

IV.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0167M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Minh	2015	98.57	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0286M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hùng Anh	2016	74.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0246M126	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	2017	73.57	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0149M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Công Nam	2016	72.14	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0180M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Quang Vinh	2015	64.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0284M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Nguyễn	2015	64.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0175M126	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Thành Tấn	2015	46.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0322M126	Miền Nam	Đồng Nai	Hà Thanh Huyền	2015	46.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9.	0163M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Phúc Bình	2017	44.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0138M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyễn Đăng Khôi	2016	41.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0150M126	Miền Nam	Đồng Nai	Dương Quốc Thái Bảo	2015	40.36	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0215M126	Miền Nam	Cần Thơ	Trần Thị Bảo Linh	2015	39.46	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	0306M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Nam	2016	36.79	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0227M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Quốc Thiên	2016	32.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0214M126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Khánh Quyên	2015	31.43	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0234M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Thiện Minh	2016	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0191M126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Duy Khôi	2016	29.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
18.	0282M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Vĩnh Khôi	2016	29.29	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0235M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quách Minh Trí	2016	28.93	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0326M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Minh Khang	2016	28.93	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0330M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Minh	2016	25.36	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	0200M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Hân	2018	23.21	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0297M126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Xuân Tiến	2015	23.21	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	0165M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Lê Đăng Khôi	2015	22.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	0236M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phạm Gia Bảo	2015	21.96	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
26.	0247M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tùng Lâm	2017	18.75	
27.	0298M126	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Mai Gia Hân	2016	18.21	
28.	0270M126	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	17.68	
29.	0285M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Trọng Khôi	2015	15.18	
30.	0221M126	Miền Nam	Cần Thơ	Đào Ngọc Linh	2017	13.39	
31.	0228M126	Miền Nam	Cần Thơ	Trần Đào Ngân Khánh	2016	12.5	
32.	0292M126	Miền Nam	Cần Thơ	Trang Lê Gia Tuệ	2017	10.71	

Danh sách gồm 32 thí sinh./.

VII. BẢNG M2: TOÁN TƯ DUY VÀ TƯ DUY THUẬT TOÁN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

VII.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	0116M226	Miền Bắc	Hà Nội	Chung Minh Tiến	2014	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	0247M226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Nhật Trường	2011	70.83	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	0053M226	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Đức Duy	2014	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	0109M226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hoàng Minh Hiếu	2014	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	0238M226	Miền Bắc	Hà Nội	Tô Hoàng An	2012	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	0246M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phí Hải Minh	2013	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	0141M226	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Nguyễn Thảo An	2012	58.33	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	0153M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Phúc Bảo Lâm	2014	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9.	0156M226	Miền Bắc	Phú Thọ	Tạ Nguyên Hạo Nam	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	0187M226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Khắc Phú	2013	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	0166M226	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Đức Huy	2014	54.17	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	0092M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2013	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	0108M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Huy Anh	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	0140M226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đình Nhật Huy	2011	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	0149M226	Miền Bắc	Phú Thọ	Bùi Ngọc Phát Đạt	2012	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	0201M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hùng Anh	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	0242M226	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi An Huy	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
18.	0248M226	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Hải Phong	2014	46.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	0216M226	Miền Bắc	Hà Nội	Thiều Thế Vinh	2013	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	0194M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thái Vinh	2013	44.17	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	0138M226	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Dương Khánh Ngọc	2014	41.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	0182M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Nguyên Bảo	2013	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	0198M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Kiên	2014	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	0227M226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phan Minh Hiếu	2012	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	0130M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Việt Huy	2000	38.33	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	0128M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành Vinh	2000	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27.	0135M226	Miền Bắc	Phú Thọ	Phạm Hồng Kỳ	2011	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	0162M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Việt Quang Long	2012	31.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	0229M226	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Hải Anh	2014	31.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	0236M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Bình	2013	31.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	0255M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Quang	2013	31.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	0129M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Minh	2000	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	0139M226	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Vũ	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	0237M226	Miền Bắc	Phú Thọ	Trần Tuấn Kiệt	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	0251M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Minh	2012	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	0252M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Châu	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	0132M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Quang Phúc Hiếu	2014	26.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	0147M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hoàng Anh Vũ	2012	26.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	0193M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Hưng	2012	26.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	0181M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Đình Bảo	2014	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	0122M226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Việt Trọng	2014	18.33	
42.	0239M226	Miền Bắc	Phú Thọ	Lê Minh Hiếu	2013	11.67	
43.	0146M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2014	0	
44.	0230M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Ngọc Khánh	2014	0	
45.	0257M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khải	2015	0	

Danh sách gồm 45 thí sinh./.

VII.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0211M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Anh Khôi	2011	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0144M226	Miền Trung	Gia Lai	Vũ Hoàng Nam	2013	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0123M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phúc Gia Huy	2014	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0223M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Thiệu Khang	2013	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0134M226	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Minh Trung	2014	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0159M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Mi Chi	2014	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0163M226	Miền Trung	Nghệ An	Thái Hải Nam	2012	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0256M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Danh Bình	2012	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0226M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Long	2012	63.33	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0112M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Trần Khôi Nguyên	2014	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0148M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Bá Đại	2013	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0235M226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Đăng Hoàng Quân	2012	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0158M226	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hữu Minh Long	2014	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0175M226	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Hoàng Huy	2013	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0176M226	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Quang Hưởng	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0184M226	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Lâm Nhật	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0199M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Phúc	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
18	0220M226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phú	2013	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0241M226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Minh	2011	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0170M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồ Linh Chi	2012	53.33	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0179M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Danh Lam	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0206M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Tuấn Anh	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0232M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khắc Trung Hiếu	2013	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0055M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tá Nhật	2014	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25	0164M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Bảo Khánh	2012	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0172M226	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Xuân Phát	2014	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27	0173M226	Miền Trung	Gia Lai	Võ Đặng Ngọc Lâm	2013	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0217M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hữu Đức Trí	2014	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0143M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Anh Kiệt	2013	41.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0174M226	Miền Trung	Gia Lai	Hà Bùi Hoàng Long	2013	41.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0121M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Huy Khải	2013	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0171M226	Miền Trung	Thanh Hóa	Vũ Hoàng Nam	2014	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33	0190M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Đức	2014	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0117M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Thị Quỳnh Như	2014	31.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0157M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Thái	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36	0169M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Gia Huy	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0205M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Thành	2011	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0189M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Đức Duy	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0219M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Bảo	2011	25.83	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0202M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Bảo	2014	21.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41	0209M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Huy Hoàng	2014	21.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0192M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trần Gia Hòa	2014	6.67	

Danh sách gồm 42 thí sinh./.

VII.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1	0161M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Huỳnh Minh Nhân	2015	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0178M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Nguyễn Hoàng Kim	2014	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0254M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Chí Anh	2012	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0243M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đình Bách	2012	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0258M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cáp Hoàng Dũng	2013	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0200M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Minh Thuận	2013	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0253M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Dũng	2014	51.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0137M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tiến Duy	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
9	0185M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Bảo Nam	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0204M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Như Quỳnh	2011	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0214M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Từ Minh Khang	2011	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0191M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Phúc	2013	44.17	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0133M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Lâm	2014	43.33	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0224M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nghiêm Tuấn Kiệt	2013	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0225M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2014	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0259M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Anh	2012	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0212M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Hoàng Khôi Nguyên	2014	36.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
18	0215M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Trần Ngọc Kim Ngân	2011	36.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0245M226	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Tường Lâm	2013	36.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0126M226	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Khôi Nguyên	2013	35.83	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0221M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Phan Thị Yến Nhi	2012	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0036M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Công Anh	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0195M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyen Quincey	2012	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0203M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Phạm Quang Thắng	2011	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25	0213M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Lý Ngọc Phúc	2012	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0064M226	Miền Nam	Đồng Nai	Đoàn Minh Khôi	2013	28.33	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
27	0110M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Phạm Kim Ngân	2013	21.67	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0151M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lý Đăng Khoa	2012	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0222M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Minh Triết	2014	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0240M226	Miền Nam	An Giang	Bùi Trương Nhật Thiên	2013	15.83	
31	0155M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Phạm Nguyễn Tâm Anh	2011	11.67	

Danh sách gồm 31 thí sinh./.

VIII. BẢNG D2: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

VIII.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
1	0125D226	Miền Bắc	Hà Nội	Hệ thống AI thu hồi vật liệu tái chế tự động	Bùi An Huy	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Lê Thái Hoàng	2014	
2	0116D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Hào khí Sử Việt	Ngô Chí Nguyên	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0097D226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phần mềm tìm hiểu về Di tích quốc gia đặc biệt Chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Bình	Trịnh Nguyễn Gia Bảo	2015	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0090D226	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Nội - Chiến dịch 12 ngày đêm	Trần Đức Dương	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0083D226	Miền Bắc	Hà Nội	Cuộc sống nông trại	Vương Đình Nam	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0081D226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Bản đồ các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Kiên Cường	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Vũ Hải Phong	2012	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
7	0080D226	Miền Bắc	Hà Nội	Ocean Survival	Phạm Đăng Khoa	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0077D226	Miền Bắc	Hà Nội	Slime Game	Lê Nhật Long	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9	0076D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Learnovix	Đỗ Minh Chính	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0075D226	Miền Bắc	Hà Nội	Phần mềm chuyển đổi giọng nói thành văn bản VoxenAI	Vương Gia Bình	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0073D226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Ứng dụng giúp tra cứu dinh dưỡng và gợi ý tập luyện	Đinh Huy Thành	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Đức Minh	2012	
12	0069D226	Miền Bắc	Phú Thọ	Anh hùng nhặt rác	Nguyễn Hải Minh	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
13	0055D226	Miền Bắc	Hà Nội	Math Test	Nguyễn Quang Minh	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0050D226	Miền Bắc	Bắc Ninh	Ecocharge - Trạm sạc năng lượng xanh	Cao Xuân Bách	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Minh Quân	2012	
15	0046D226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Học vắn ghép âm Tiếng Việt	Phạm Khánh Nam	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Phạm Hoàng Ngân	2011	
16	0041D226	Miền Bắc	Phú Thọ	Iron Lung	Nguyễn Đăng Bảo Duy	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0040D226	Miền Bắc	Hà Nội	Outer Space's Labyrinth	Trần Đức Hiếu	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0033D226	Miền Bắc	Hà Nội	Weather Forecast	Đào Bảo An	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
19	0032D226	Miền Bắc	Phú Thọ	Last Contact	Ngô Minh Vũ	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0030D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Từ điển Lịch sử Việt Nam	Phạm Thanh Bình	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0028D226	Miền Bắc	Hà Nội	Virus Hunter 2.0	Nguyễn Tuấn Kiệt	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0023D226	Miền Bắc	Hà Nội	Futureme	Trịnh Bảo Huy	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0022D226	Miền Bắc	Phú Thọ	Hầm ngục huyết chiến	Nguyễn Ngọc Hoài An	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0021D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Hệ thống điểm danh nhận diện khuôn mặt	Phạm Quốc Tấn	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
25	0018D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Dungeon Maze	Nguyễn Hoàng Hải	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0015D226	Miền Bắc	Phú Thọ	Pixel Quest	Khổng Thành Long	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0013D226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hệ thống AI đa nguồn phát hiện và cảnh báo ngưng thở khi ngủ tại nhà	Nguyễn Như Thanh	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Hữu Hưng	2011	
28	0010D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Vnemap	Nguyễn Bảo Long	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Vũ Minh Đạt	2014	
29	0002D226	Miền Bắc	Hà Nội	G-Garden (Grow Garden)	Phạm Đình Hương	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0101D226	Miền Bắc	Hà Nội	Haverest Game	Phạm Bảo Trang	2014	Không đạt
31	0060D226	Miền Bắc	Hà Nội	Đi cùng tớ nhé!	Vũ Ngọc Long	2013	Không đạt
32	0043D226	Miền Bắc	Hà Nội	Hệ thống nhận diện người nghi vấn sử dụng vũ khí nóng khi giao dịch ngân hàng	Nguyễn Nhật Minh	2013	Không đạt

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
33	0029D226	Miền Bắc	Phú Thọ	Return	Nguyễn An Nhiên	2014	Không đạt (Sau phúc khảo)
34	0005D226	Miền Bắc	Hải Phòng	Người bảo hộ của ngọn núi	Đông Mạnh Cường	2012	Không đạt

Danh sách gồm 34 sản phẩm./.

VIII.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
1	0124D226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Deltarune	Trần Hữu Phước	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0122D226	Miền Trung	Nghệ An	Lịch sử Chiến dịch trên không	Hồ Duy Thành Phát	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0112D226	Miền Trung	Huế	Health-Vision Junior: Hệ thống IoT tích hợp AI nhận diện khuôn mặt trong giám sát và dự báo xu hướng sức khỏe học đường	Võ Đức Gia Bảo	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Dương Trí Đạt	2014	
4	0110D226	Miền Trung	Khánh Hòa	Chinh phục hóa học	Phan Uyển Nhi	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0105D226	Miền Trung	Huế	AVYP - Giải pháp học liệu số thông minh tích hợp AI hỗ trợ học tập hòa nhập cho học sinh khiếm thị Tiểu học	Huỳnh Khánh Như	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lê Phương Vy	2014	
6	0104D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hệ thống hỗ trợ người khiếm thị ứng dụng công nghệ AI và cảm biến đa tầng	Nguyễn Thành Long	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Hà An	2013	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
7	0099D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hệ thống giám sát học tập thông minh cho giáo viên	Phạm Anh Tuấn	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lê Mạnh Quân	2012	
8	0096D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phần mềm hỗ trợ cải thiện tư thế ngồi	Trần Minh Quân	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Đỗ Quỳnh Anh	2012	
9	0095D226	Miền Trung	Nghệ An	Thư viện thời gian	Lê Đức Minh	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0094D226	Miền Trung	Thanh Hóa	Vietnamquiz	Nguyễn Hữu Đức	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0093D226	Miền Trung	Thanh Hóa	Let's clean the city	Trịnh Hoàng Nguyên	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0091D226	Miền Trung	Gia Lai	Hệ thống cảnh báo nguy hiểm cho người già và trẻ em bằng tín hiệu Wi-Fi CSI sử dụng Deep Learning	Trần Đức Bảo Lâm	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Mỹ Hà Phương	2012	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
13	0089D226	Miền Trung	Thanh Hóa	Dự án về nhận diện 90 loài động vật	Lê Kim Nam	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0086D226	Miền Trung	Nghệ An	Khu phố tri thức	Trần Minh Khôi	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0082D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Đánh giá hiệu suất học tập bằng thị giác máy tính	Cao Huy Hoàng	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0079D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hệ thống theo dõi và phân tích bước đi dựa trên cảm biến lực và tốc độ nhằm đánh giá tình trạng sức khỏe của bệnh nhân Parkinson	Phan Trần Nhất Nguyên	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Phan Trần Khôi Nguyên	2012	
17	0078D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trợ lý mắt AI cho người khiếm thị	Trần Trung Khang	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Tạ Ngọc Thịnh	2012	
18	0072D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Camera tích hợp mô hình suy luận hình ảnh và ứng dụng ước lượng nhịp thở với cường độ RSSI - Wifi	Huỳnh Ngọc Gia Huy	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Thái Khánh Tường	2012	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
19	0058D226	Miền Trung	Lâm Đồng	Hệ thống giám sát giao thông thông minh	Nguyễn Võ Phương Huy	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0057D226	Miền Trung	Gia Lai	Em với an toàn giao thông	Nguyễn Lâm Nhật	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Thanh Hà	2012	
21	0047D226	Miền Trung	Đà Nẵng	SignTalk AI - giao tiếp bằng ngôn ngữ ký hiệu	Phan Khải Phúc	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Khắc Anh Quân	2013	
22	0038D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Siêu giám học	Lê Huy Khải	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Lê Bảo Châu	2013	
23	0036D226	Miền Trung	Đà Nẵng	1954 - Trang sử hào hùng	Lê Văn Thường	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0035D226	Miền Trung	Huế	Đường bay toán học	Hoàng Gia Bảo	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
25	0026D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hành trình toán học	Nguyễn Thiên Phú	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0025D226	Miền Trung	Nghệ An	Vượt lũ	Trần Dũng	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0024D226	Miền Trung	Nghệ An	Ứng dụng nghe nhạc và tải nhạc không cần mạng khi nghe nhạc	Hoàng Nghĩa Bách	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Trường Long Nhật	2012	
28	0017D226	Miền Trung	Thanh Hóa	Ứng dụng phát nhạc	Phạm Thuận Phong	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0012D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học	Lê Nguyên Minh Triết	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Quốc Việt	2014	
30	0071D226	Miền Trung	Thanh Hóa	Timetable 2.0	Đặng Duy Đức	2013	Không đạt
31	0042D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Hệ thống chọn lọc thông tin nông sản	Nguyễn Trần Đăng Khoa	2011	Không đạt
					Huỳnh Hữu Tín	2011	
32	0011D226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phần mềm giới thiệu Đà Nẵng	Đình Hà Hồng Minh	2014	Không đạt

Danh sách gồm 32 sản phẩm./.

VIII.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
1	0126D226	Miền Nam	Cần Thơ	EDU - QUEST	Lê Hiếu Lễ	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0120D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thiết bị nhắc nhở bệnh nhân uống thuốc đúng giờ	Nguyễn Thiên Bảo	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Tô Thị Thanh Hà	2012	
3	0119D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thiết bị mở khóa thông minh nhận diện khuôn mặt và điều khiển từ xa - Blynk IoT	Tô Minh Quân	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Nguyễn Diệu Huyền	2013	
4	0118D226	Miền Nam	Cần Thơ	Hành trình bảo vệ môi trường	Ngô Gia Nguyên	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0117D226	Miền Nam	Vĩnh Long	Phần mềm ôn tập kiến thức 3 môn chính (Toán, Văn, Anh) cho học sinh lớp 7	Nguyễn Phạm Trường Phát	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0115D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Chat Bot - Nhận diện bệnh cây lúa qua hình ảnh lá và tư vấn nông nghiệp	Nguyễn Hoàng Hiếu	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Cao Danh Hoàng Vũ	2014	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
7	0114D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục an toàn giao thông cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở	Phạm An Khang	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Phan Hải Bình	2013	
8	0106D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phần mềm mô phỏng học tập: Khám phá vũ trụ kiến thức khoa học và lịch sử lớp 4	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Quang Khải	2014	
9	0103D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phần mềm giám sát sức khỏe và học tập của học sinh	Nguyễn Quang Minh	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Quốc Hạo Nhiên	2014	
10	0102D226	Miền Nam	Vĩnh Long	Website giới thiệu địa lý Việt Nam: VietNamExplore (VNE)	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0100D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Smartcare Hub - hệ thống chăm sóc sức khỏe thông minh tại nhà dành cho người lớn tuổi và người bệnh	Nguyễn Vũ Nguyên Trí	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Văn Hoàng Minh	2013	
12	0087D226	Miền Nam	Cần Thơ	DuriSense AI	Nguyễn Hồ Hoàng Tiến	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lê Khánh Hưng	2012	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
13	0085D226	Miền Nam	Cần Thơ	CanTho EduMap AI	Nguyễn Khánh Ngân	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Bảo Ngọc	2012	
14	0084D226	Miền Nam	Cần Thơ	Simulation Science AI	Nguyễn Khánh Ngọc	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Khánh Ngân	2012	
15	0074D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Edu Plan	Trần Minh Sang	2011	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Ngô Minh Triết	2011	
16	0066D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Học tập trong phòng thí nghiệm ảo KhogoLab	Nghiêm Tuấn Kiệt	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Dương Minh Triết	2013	
17	0059D226	Miền Nam	Cần Thơ	EduHealth AI - Giải pháp chăm sóc sức khỏe học sinh THCS	Đường Quang Hy	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Quang Hạo	2012	
18	0054D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và mô phỏng 360 trong việc số hóa giáo dục bộ môn lịch sử	Lý Đăng Khoa	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
19	0052D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Final War	Hạ Võ Đăng Khoa	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0049D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Binding Of Isaac	Lâm Bội Phú	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0045D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sofas-king	Phạm Minh Đức	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0034D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dự án Fall Detection	Mai Bá Phúc	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0031D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	AQUAMEN - Shop bán cá cảnh	Lê Thành Gia Bảo	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0027D226	Miền Nam	Đồng Nai	Phần mềm phát hiện người bị lũ cuốn trôi	Trần Đăng Khoa	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Tô Hoàng Long	2012	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
25	0020D226	Miền Nam	An Giang	Digital Matrix Drawing Board	Lê Tấn Khang	2014	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Bùi Trương Nhật Thiên	2013	
26	0019D226	Miền Nam	An Giang	Vượt chướng ngại vật vui học toán	Huỳnh Hồng Anh	2013	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Hồ Trần Nhật Anh	2013	
27	0014D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cửa sổ nghề nghiệp	Trương Minh Dũng	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lại Hà Phương	2012	
28	0009D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống phát hiện và thông báo hành vi cướp trong ngân hàng	Phạm Nhật Minh Khôi	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Kiến Văn	2012	
29	0008D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống phát hiện và cảnh báo hành vi bạo lực	Trần Nguyễn Chấn Vũ	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Thành Duy	2012	
30	0007D226	Miền Nam	Tây Ninh	Visionbot- Robot AI đa năng hỗ trợ người khiếm thị, người già và trẻ em	Nguyễn Ngọc Như Ý	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0070D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Gamemaker Miner Express	Nguyễn Trường Anh	2012	Không đạt
32	0067D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Zombie Attack	Nguyễn Hữu Tài	2012	Không đạt
33	0064D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Action Game	Lưu Kiến Thành	2014	Không đạt

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
34	0044D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ocean Shooter	Kiều Tuấn Kiệt	2013	Không đạt
35	0039D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Platformer Hell	Hồ Gia Anh	2013	Không đạt
36	0004D226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	The Noob Lost In An Endless Maze	Chen Cử Thiên	2013	Không đạt (Sau phúc khảo)
37	0003D226	Miền Nam	Tây Ninh	Website học môn toán cùng với trí tuệ nhân tạo AI	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	2011	Không đạt (Sau phúc khảo)
					Nguyễn Việt Nam	2011	

Danh sách gồm 37 sản phẩm./.

IX. BẢNG D3: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỎI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

IX.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
1	0044D326	Miền Bắc	Hà Nội	Hệ thống trợ lý học tập thông minh cá nhân hóa cho học sinh THPT sử dụng n8n và trí tuệ nhân tạo	Nguyễn Ngọc Thảo	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Thành Thái	2009	
2	0043D326	Miền Bắc	Hải Phòng	ZenLingo	Bùi Nguyễn Hồng Sơn	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0042D326	Miền Bắc	Hà Nội	Nghiên cứu hệ thống theo dõi và đánh giá độ chính xác động tác trong phục hồi chức năng tại nhà bằng thị giác máy tính	Đỗ Minh Quang	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Hoàng Dương	2010	
4	0041D326	Miền Bắc	Hà Nội	Hệ thống cảnh báo, giám sát và chỉ dẫn đường thông minh trong đám cháy cho chung cư mini	Nguyễn Lê Trà Mi	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Mai Hương Dịu	2009	
5	0037D326	Miền Bắc	Bắc Ninh	Mindmate Talk - Ứng dụng AI đồng hành và hỗ trợ sức khỏe tâm lý	Nguyễn Trung Hiếu	2008	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0036D326	Miền Bắc	Hà Nội	Hóa học vui	Phạm Trung Nghĩa	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
7	0035D326	Miền Bắc	Hà Nội	Phần mềm diệt virus QSecurity	Nguyễn Minh Quang	2012	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0034D326	Miền Bắc	Hà Nội	Sản phẩm game giáo dục "Grow up with me" - Trưởng thành cùng mình nhằm phòng ngừa bạo lực học đường từ sớm ở trẻ tiền tiểu học	Phan Châu Anh	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Trung Nguyên	2000	
9	0033D326	Miền Bắc	Hà Nội	VISE - Phần mềm hỗ trợ giáo dục	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Hoàng Trung Phong	2009	
10	0027D326	Miền Bắc	Hà Nội	Tete	Trần Công Vinh	2008	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0025D326	Miền Bắc	Hải Phòng	Xây dựng nền tảng AI cá nhân hóa hỗ trợ phối đồ, gợi ý du lịch và thương mại thời trang thông minh	Phạm Tiến Đạt	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lương Cao Khoa	2009	
12	0018D326	Miền Bắc	Phú Thọ	Dugeon Pixel	Nguyễn Trần Anh Quân	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
13	0016D326	Miền Bắc	Hà Nội	StyleGenie AI	Nguyễn Hạo Nhiên	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Khang Minh	2010	
14	0015D326	Miền Bắc	Hà Nội	CargoVisor - Giám sát và dự đoán container hàng từ xa bằng vi điều khiển ESP32	Đỗ Minh Trí	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0012D326	Miền Bắc	Hà Nội	AI cho học sinh Việt	Nguyễn Văn Bảo Khánh	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0006D326	Miền Bắc	Hà Nội	ThermoFusion	Nguyễn Phụ Phan	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trần Quang Minh	2009	
17	0046D326	Miền Bắc	Hà Nội	Baby in car (Ứng dụng hỗ trợ nhắc nhở và cảnh báo tránh để quên trẻ em trên xe)	Nguyễn Ngọc Bảo Phúc	2010	Không đạt

Danh sách gồm 17 sản phẩm./.

IX.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
1	0049D326	Miền Trung	Lâm Đồng	AMP (Action Meaning Perception) - Nền tảng hỗ trợ việc làm, cộng đồng cho người khuyết tật	Nguyễn Trí Khoa	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trịnh Thị Hà Trang	2009	
2	0048D326	Miền Trung	Gia Lai	Mạng lưới thiết bị liên lạc khẩn cấp hỗ trợ cứu hộ bão lụt	Lê Thanh Tú Uyên	2008	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Mai Như Ngọc	2008	
3	0045D326	Miền Trung	Gia Lai	Thiết bị hướng dẫn du lịch cầm tay	Nguyễn Bảo Duy	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Bùi Chí Hoàng	2010	
4	0039D326	Miền Trung	Gia Lai	ViemapChronicle	Đỗ Hoàng Anh Tuấn	2008	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lê Thanh Tú Uyên	2008	
5	0038D326	Miền Trung	Đà Nẵng	Hệ thống đa tác tử cho kiểm thử xâm nhập ứng dụng Web dạng hộp đen	Nguyễn Cao Đức	2008	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0031D326	Miền Trung	Lâm Đồng	Hệ thống dự đoán và tư vấn mức độ nghiện sử dụng điện thoại thông minh của học sinh THPT	Nguyễn Mạnh Triết	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
7	0029D326	Miền Trung	Đắk Lắk	ViST-Graph: Hệ thống Trí tuệ nhân tạo giải mã Hệ phiên mã không gian ảo từ ảnh mô bệnh học (H&E) dựa trên Mạng nơ-ron Đồ thị (GCN)	Lê Vũ Anh Tin	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0024D326	Miền Trung	Đắk Lắk	PathoInsight AI	Lê Vũ Anh Tin	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9	0023D326	Miền Trung	Gia Lai	Ứng dụng hỗ trợ can thiệp sớm cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ	Trần Quốc An	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Đông Ánh Linh	2010	
10	0022D326	Miền Trung	Gia Lai	Phần mềm chấm điểm tự động	Lê Đình Bảo Hoàng	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Phạm Thành Khang	2009	
11	0021D326	Miền Trung	Gia Lai	Nhà kính thông minh	Cao Hoàng Vy	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Ngọc Bảo Vy	2009	
12	0020D326	Miền Trung	Gia Lai	Trí tuệ nhân tạo cảnh báo lũ	Hồ Ngọc Thủy Tiên	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Trương Phạm Gia Nguyên	2010	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
13	0014D326	Miền Trung	Đà Nẵng	NQ Neuron	Bùi Xuân Duy Triết	2008	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Lê Tấn Phúc	2008	
14	0004D326	Miền Trung	Đắk Lắk	Tri thức đại ngàn - ứng dụng tư vấn hướng nghiệp Offline cho học sinh dân tộc thiểu số vùng 3 xã Tân Tiến, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Phạm Gia Hân	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Quách Bảo Nam	2009	

Danh sách gồm 14 sản phẩm./.

IX.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Kết quả xét chọn
1	0040D326	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Skinderm AI - Hệ thống Hỗ trợ chẩn đoán Bệnh lý da liễu và tầm soát Ung thư da sớm dựa trên Hybrid AI Pipeline	Nguyễn Tuấn Minh	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Đặng Thành Kim	2014	
2	0032D326	Miền Nam	An Giang	PhysiVR - Phòng Lab Vật lý hiện đại	Mai Trần Ngọc Minh Phú	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0030D326	Miền Nam	Đồng Nai	Interdeer – Nền tảng web hỗ trợ Tin học	Trần Anh Duy	2010	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Phan Lê Hoàng	2010	
4	0002D326	Miền Nam	Cần Thơ	Nhà kính thông minh (SMART GREENHOUSE)	Nguyễn Tuấn Kiệt	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Vĩnh Phúc	2009	
5	0001D326	Miền Nam	Cần Thơ	Đèn học thông minh	Bùi Thị Kim Ngọc	2009	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
					Nguyễn Đông Nghi	2009	

Danh sách gồm 05 sản phẩm./.